

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ HOÀNG HẢI LIÊN

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG
LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ HOÀNG HẢI LIÊN

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG
LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS HOÀNG VĂN NGHĨA

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, khách quan và được các cơ quan chuyên môn cho phép sử dụng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Lê Hoàng Hải Liên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI.....	12
1.1 Tổng quan về bình đẳng giới	12
1.2 Tổng quan thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.....	20
1.3 Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bình đẳng giới, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới	24
1.4. Nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị	31
1.5 Các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị	33
Chương 2 THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TẠI QUẢNG BÌNH	37
2.1 Đặc điểm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình	37
2.2. Thực trạng xây dựng quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị	41
2.3. Kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình	46
2.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế	57
Chương 3 QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH.....	61
3.1 Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng	61
3.2 Các nhóm giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình.....	64
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of Southeast Asian Nations (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
BĐG	Bình đẳng giới
BCH TW Hội LHPN	Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ
CEDAW	Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against Women (Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ)
CNH – HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
HĐND	Hội đồng nhân dân
HLHPN	Hội Liên hiệp phụ nữ
LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
QPPL	Quy phạm pháp luật
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ nữ tỉnh Quảng Bình	49
Bảng 2.2. Tỷ lệ nữ tham gia Cấp ủy Đảng các cấp.....	51
Bảng 2.3. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong HĐND, UBND các cấp.....	53
Bảng 2.4. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước các cấp	53
Bảng 2.5. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.....	54
Bảng 2.6. Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước tổ chức chính trị - xã hội có từ 30 % nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ/ tổng số.....	54
Bảng 2.7. Tỷ lệ nữ là Đại biểu Quốc hội	56
Bảng 2.8. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp	56

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, Việt Nam đã đạt nhiều kết quả đáng trân trọng về thúc đẩy bình đẳng giới, được đánh giá là một trong những quốc gia có khung pháp lý về bình đẳng giới khá tiên bộ. Đồng thời, việc thực hiện bình đẳng giới trong thực tiễn cũng đạt được những kết quả tích cực. Có được những hành công này là do Đảng ta đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới.

Trong Chánh cương vắn tắt năm 1930 của Đảng đã nêu rõ: “về phương diện xã hội thì: a/ dân chúng được tự do tổ chức; b/ nam nữ bình quyền” [18, tr1]. Là lãnh tụ vĩ đại của phong trào cách mạng Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thực hiện đấu tranh giải phóng phụ nữ để giành quyền lợi về phía phụ nữ, bởi theo Người: Dân tộc chưa độc lập thì quyền lợi của phụ nữ chưa được giải phóng, quyền phụ nữ gắn liền với quyền dân tộc, quyền của giai cấp và quyền của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: “Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau”; “Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng giải phóng con người, do đó nếu không giải phóng phụ nữ, một phần nửa xã hội thì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thật sự đem lại quyền và lợi ích cho phụ nữ”[20,tr260] .

Chính vì vậy, ngay sau khi giành độc lập Đảng và Nhà nước ta đã luôn luôn quan tâm đến việc đảm bảo quyền con người của phụ nữ nói chung và quyền chính trị của phụ nữ nói riêng, coi đó là một trong những mục tiêu lớn, một chương trình hành động thiết thực nhằm đảm bảo quyền con người. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ những năm đổi mới (năm 1986), khi Công ước CEDAW Liên hợp quốc (Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ) chính thức được thực hiện ở Việt Nam, thì vấn đề bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng đã thu được nhiều kết quả tích cực: nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về quyền của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị đã được cải thiện; phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội thể

hiện và khẳng định vị trí, vai trò của mình trong gia đình cũng như các hoạt động chính trị - xã hội; tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý nhà nước tăng lên, hoạt động của các nữ doanh nhân, chủ doanh nghiệp, hoạt động giao lưu đối ngoại khu vực, quốc tế, số lượng ngày càng nhiều, chất lượng ngày càng tăng. Quyền của phụ nữ ngày càng được pháp luật, xã hội thừa nhận và tôn trọng bảo đảm thực hiện.

Thực tế đã cho thấy, tỷ lệ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị thời gian qua có chiều hướng ngày càng tăng. Trong lĩnh vực kinh tế, lao động nữ tham gia nhiều ngành nghề mới mà trước đây chỉ dành cho nam giới; trong khoa học, công nghệ tỷ lệ phụ nữ tham gia chiếm gần 40% và tỷ lệ các nhà khoa học nữ đạt hơn 6%. Đặc biệt, trong giáo dục, đào tạo và y tế, cán bộ nữ chiếm tỷ lệ lớn, nhiều người có trình độ cao. Sự trưởng thành của phong trào phụ nữ, những đóng góp xứng đáng của các cấp hội phụ nữ đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, trao tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý. Nhiều tập thể, cá nhân nữ được tặng Huân chương Độc lập và Huân chương Lao động các hạng; hàng nghìn chị em được phong tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc, nhà giáo, thầy thuốc ưu tú; nhà giáo, thầy thuốc nhân dân; nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, trong bầu cử Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, tỷ lệ đại biểu nữ trúng cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV là 133/496 người đạt 26,8%; Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở nhiều địa phương tỷ lệ phụ nữ trúng cử vượt dự kiến như: Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ phụ nữ trúng cử đạt 43%; Đại biểu Hội đồng nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội, tỷ lệ phụ nữ trúng cử đạt gần 45%.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, để tăng tỷ lệ phụ nữ trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị. Với vai trò và thiên chức của mình, phụ nữ vẫn luôn đứng trước những đòi hỏi cao và chịu nhiều áp lực. Mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 đề ra là tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020 đạt từ 25% trở lên và tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội và tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân

các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 đạt từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2020 đạt trên 35%. Song qua tìm hiểu quá trình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 -2020 tại tỉnh Quảng Bình trong những năm vừa qua, cho thấy: Quảng Bình là một trong những tỉnh có tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020 còn quá thấp chưa đạt được chỉ tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra: cấp tỉnh chiếm 7,5% (so với nhiệm kỳ trước không tăng); cấp huyện, thành phố, thị xã chiếm 20,93% (so với nhiệm kỳ trước tăng 5,83%); cấp cơ sở chiếm 22,71% (so với nhiệm kỳ trước tăng 3,39%); tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội chiếm 16,66% (so với nhiệm kỳ trước không tăng, không giảm); tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh chiếm 18% (so với nhiệm kỳ trước không tăng không giảm); cấp huyện, thành phố, thị xã chiếm 29,07% (so với nhiệm kỳ trước tăng 4,59%); cấp cơ sở chiếm 26,30% (so với nhiệm kỳ trước tăng 4,96%).

Ngoài ra, theo quy định của Chiến lược, phấn đấu đến năm 2015 sẽ đạt 80% các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ; 70% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ 30% trở lên. Tuy nhiên, tính đến nay, tỉnh Quảng Bình các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh (kể cả cấp huyện) có nữ cán bộ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt, chiếm tỷ lệ còn quá thấp. Các kết quả trên cho thấy, hiện còn một khoảng trống khá lớn giữa kỳ vọng và kết quả thực tế. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với Đảng và Nhà nước ta nói chung, tỉnh Quảng Bình nói riêng trong việc tăng cường tỷ lệ phụ nữ tham gia trong lĩnh vực chính trị hiện nay.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, người viết mạnh dạn chọn đề tài “*Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*” làm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ. Luận văn tập trung mô tả thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua, từ đó đề xuất một vài giải pháp nhằm từng bước tăng cường hơn nữa vị thế chính trị cho phụ nữ Quảng Bình nói riêng, phụ nữ Việt Nam nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay. Đây không phải là một vấn đề còn mới mẻ, nhưng vẫn

còn nhiều vấn đề còn bỏ ngõ đang được giới nghiên cứu tranh luận, bàn cãi; điều đó đã thôi thúc người viết tìm tòi, nghiên cứu tìm ra những giải pháp hữu ích nhất với mong muốn đóng góp tiếng nói của mình vào việc hoàn thiện pháp luật nói chung, pháp luật về bình đẳng giới nói riêng, nhất là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở Việt Nam, vấn đề giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới luôn gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng và cũng luôn được xác định là công việc của toàn xã hội. Việt Nam đã nỗ lực không ngừng để thực hiện mục tiêu tiến bộ xã hội; trong đó, có việc thực hiện bình đẳng giới và phát triển con người.

Đặc biệt trong gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam là quốc gia đạt được sự thay đổi nhanh chóng về xóa bỏ khoảng cách giới ở khu vực Đông Á. Vai trò, vị thế của người phụ nữ Việt Nam ngày càng được nâng cao, số lượng phụ nữ tham gia các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng tăng. Các tổ chức quốc tế đã đánh giá Việt Nam có nhiều tiến bộ trong việc cải thiện các chỉ số phát triển con người và công bằng giới. Lần đầu tiên, Việt Nam có tên trong danh sách các nước có số đo về sự trao quyền cho giới (GEM).

Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được xem là một trong những nội dung quan trọng, then chốt, tạo cơ hội cho phụ nữ được nói tiếng nói đại diện cho giới mình, được phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách về các lĩnh vực khác nhau của quốc gia. Liên quan trực tiếp đến đề tài có những bài viết, công trình nghiên cứu khoa học cụ thể như sau :

- *Phụ nữ tham gia lãnh đạo quản lý* của Trung tâm Nghiên cứu khoa học về lao động nữ (1997), bàn về sự tham chính của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý, tuy nhiên nghiên cứu này mới chỉ dừng lại mô tả khái quát vị trí, vai trò của phụ nữ trong hệ thống chính trị và chưa lý giải chi tiết các rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của họ trong chính trường.

- *Vai trò của nữ cán bộ quản lý nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của TS. Võ Thị Mai, Viện khoa học tổ chức, Ban Tổ chức Trung ương. Bài viết đã phân tích thực trạng, chỉ ra các yếu tố tác động và các giải pháp nhằm từng bước nâng cao vai trò của nữ cán bộ quản lý. Luận án cũng chỉ ra những áp lực xã hội mà cán bộ nữ đang phải đối mặt, những thách thức mà các cấp, các ngành cần phải vượt qua. Đây là một nghiên cứu trường hợp, và chưa chú trọng nhiều vào việc suy rộng áp dụng các giải pháp tăng cường vai trò lãnh đạo của phụ nữ về mặt vĩ mô.

- *Cẩm nang về bình đẳng giới* của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2012). Cuốn sách này chủ yếu giới thiệu về giới, hiện trạng bình đẳng giới ở Việt Nam, bạo lực giới qua khảo sát trong thời gian gần đây, cơ quan - tổ chức thực thi bình đẳng giới ở Việt Nam. Hỏi – đáp một số vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, các quy định pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới.

- *Nhận thức và chỉ đạo thực hiện bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ quản lý cấp cơ sở ở miền núi phía Bắc* của Thạc sĩ Nguyễn Văn Đoàn - Viện Xã hội học Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2007). Công trình nghiên cứu đã mô tả thực trạng nhận thức và chỉ đạo thực hiện bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở tại 2 tỉnh: Hà Giang và Lào Cai. Những nguyên nhân dẫn tới sự bất bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý và đề ra các kiến nghị giải pháp chưa được phân tích nhiều. Bên cạnh đó, nghiên cứu này thiếu khung lý thuyết hiện đại để chỉ ra sự bất bình đẳng có cội nguồn từ “thiết chế mang tính giới”.

- *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện công tác cán bộ nữ từ năm 1986 đến năm 2001* của Th.s Nguyễn Thị Kỳ (2003). Công trình nghiên cứu đã đưa ra những bằng chứng về vai trò của Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao tỷ lệ nữ lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Luận văn cũng nhấn mạnh về tính hiệu quả của Chỉ thị 37-CT/TW của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc phát huy vai trò của phụ nữ tham chính. Tuy nhiên, công trình chưa phân tích sâu các nguyên nhân thuộc về khung chính sách và các kiến nghị cần thiết nhằm cải thiện vị trí chính trị của phụ nữ trong quyền lực.

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị* của Ban Tổ chức Trung ương tiến hành khảo sát trên quy mô lớn nhằm phân tích sâu sự tham gia của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và đưa ra các giải pháp, chính sách để thu hút sự tham gia của phụ nữ. Nghiên cứu đo lường, đánh giá nhận thức, thái độ và hành vi của cán bộ về năng lực chức nghiệp và lãnh đạo của phụ nữ trong tương quan với nam giới. Những vấn đề bất bình đẳng trong cấu trúc thang bậc quyền lực giữa nam và nữ cũng được mô tả khá chi tiết. Tuy nhiên, những lý thuyết và trọng tâm phân tích các lý do hoặc so sánh các nhóm rào cản dẫn đến thực trạng đó vẫn còn thiếu.

- *Định kiến giới đối với nữ trong lãnh đạo, quản lý* của Nguyễn Thị Thu Hà – Trường cán bộ phụ nữ Trung ương trên tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới (Quyển 18, số 02, 2008). Bài viết phân tích những rào cản quan trọng ảnh hưởng tới vai trò tham chính của phụ nữ là định kiến giới – chuẩn mực giới truyền thống. Tác giả đã nhấn mạnh yếu tố định kiến giới như một nguyên nhân duy trì sự bất bình đẳng giới trong tiếp cận và kiểm soát quyền lực.

- *Kết quả nghiên cứu định tính về nữ lãnh đạo khu vực nhà nước ở Việt Nam* của Trần Thị Vân Anh (2009) tập trung vào tìm hiểu các trở ngại đối với phụ nữ trong quá trình phấn đấu giữ các vị trí lãnh đạo trong khu vực nhà nước.

- *Sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam* của Jean Muro (2012). Bài viết nhận diện các xu hướng tham gia của phụ nữ trong cơ quan Chính phủ, mô tả tổng quan khung pháp lý liên quan đến vai trò lãnh đạo của phụ nữ, phân tích những thách thức và rào cản đối với phụ nữ. Báo cáo khẳng định mục dù Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực phụ nữ tham chính, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu và kỳ vọng được đề cập trong các văn bản của Đảng và Nhà nước.

- *Phụ nữ làm quản lý và lãnh đạo trong khu vực công ở Việt Nam* của Vũ Mạnh Lợi (2006). Nghiên cứu khẳng định phụ nữ có rất ít đại diện trong lãnh đạo ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, và ít khi giữ vị trí lãnh đạo cao nhất. Điều này gợi ra rằng có sự phân biệt đối xử mang tính hệ thống cản trở sự tham chính của

họ. Tác giả cũng nhận định sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo là không đều. Tác giả cũng đưa ra bằng chứng rằng sự đại diện của phụ nữ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế và rất thiếu trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải...hoặc cũng rất hiếm hoi trong các ngành công an, quốc phòng.

- *Nữ trí thức ở vị trí quản lý* của Trần Thị Vân Anh (2010). Nghiên cứu này bàn về nữ trí thức tham gia lãnh đạo, quản lý gặp khá nhiều trở ngại từ người có trách nhiệm, gồm cả kiểm tra, đánh giá, từ các quy định chính sách, gồm cơ hội đào tạo – bồi dưỡng; quy định về tuổi và tiêu chuẩn thi đua; từ định kiến và chuẩn mực cũ.

- *Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của Đỗ Thị Thạch (2005). Nghiên cứu góp phần làm rõ quá trình hình thành và đặc điểm các nguồn lực nữ trí thức Việt Nam và khẳng định những đóng góp của họ đối với sự phát triển của gia đình và đất nước... Tuy nhiên, do bị giới hạn bởi phạm vi và điều kiện thực hiện, công trình này chưa thể bao quát hết các lĩnh vực hoạt động của nữ trí thức, và chưa đánh giá một cách đầy đủ tiềm năng, vai trò và những yếu tố tác động mạnh mẽ đến nguồn nhân lực này trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

- *Định kiến giới – “Rào cản” đối với sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ Việt Nam* của Phạm Hạnh Sâm (2009). Tác giả đã nghiên cứu bàn về các quan niệm, tư tưởng còn tồn tại trong xã hội nó cản trở vai trò, hạ thấp vị trí của phụ nữ trong xã hội, từ đó đề xuất các giải pháp xóa bỏ các định kiến giới.

- *Sự thay đổi vai trò, vị trí của phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của Nguyễn Thị Kim Oanh (2011). Tác giả đã nhấn mạnh thế kỷ XXI là thế kỷ của khoa học – công nghệ, kinh tế tri thức. Nó tạo ra những thuận lợi, đồng thời cũng là những khó khăn, thách thức cho con người khi tham gia hội nhập. Trí thức nói chung, nữ trí thức nói riêng là những người đảm trách nhiệm vụ quan trọng với phát triển bền vững của đất nước. Trong lĩnh vực chính trị họ là những người nghiên cứu sáng tạo tìm ra những giải pháp tham mưu cho Đảng, Nhà nước trong hoạch định chính sách, đường lối phát triển đất nước; trong lĩnh vực kinh tế họ là người đi đầu trong hướng dẫn giai cấp nông dân, công nhân tiếp thu, ứng dụng các

thành quả khoa học, kỹ thuật góp phần sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại; ở các lĩnh vực khác, họ là những người nỗ lực góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- *Phụ nữ tham chính: Cơ hội và thách thức* của TS. Dương Thị Kim Ánh, Trưởng khoa Giới và phát triển, Học viện phụ nữ Việt Nam. Bài viết bàn về lý do vì sao cần có nhiều nữ giới giữ vị trí, vai trò lãnh đạo trong hệ thống chính trị, thực trạng hiện nay trên thế giới và Việt Nam, những thuận lợi và khó khăn khi phụ nữ tham gia trong lĩnh vực chính trị. Việc tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị là hết sức cần thiết, nhằm đảm bảo tiếng nói đại diện, thể hiện tâm tư, nguyện vọng của nữ giới. Hội nhập quốc tế và khu vực tạo nhiều vận hội mới, nhưng cạnh tranh cũng gay gắt hơn nên những thách thức sẽ càng lớn đối với phụ nữ. Phụ nữ có xuất phát điểm thấp hơn, nhiều cản trở hơn nên nguy cơ bị loại ra khỏi môi trường cạnh tranh là lớn hơn. Hội nhập đòi hỏi phụ nữ phải năng động, bản lĩnh, tuân thủ các nguyên tắc quốc tế. Trao quyền là quan trọng nhưng phụ nữ cần chuẩn bị tâm thế, năng lực để đón nhận và thực hiện quyền năng chính trị được trao một cách hiệu quả nhất.

Các bài viết, công trình nghiên cứu nêu trên về cơ bản đã có những liên quan nhất định đến đề tài luận văn nhưng được tiếp cận từ nhiều phương diện và góc độ khác nhau, trong khi đó chưa được tiếp cận một cách hệ thống, đầy đủ và toàn diện từ góc độ pháp luật về bình đẳng giới, cũng như chưa nghiên cứu một cách cụ thể các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, đặc biệt là thông qua sự phân tích từ thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình.

Vì vậy, đề tài “*Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình*” mà người viết nghiên cứu là công trình khoa học độc lập, có tham khảo các công trình nghiên cứu của những người đi trước nhưng vẫn đảm bảo tính khách quan, không trùng lặp với các công trình nghiên cứu nêu trên. Đề tài tập trung nghiên cứu cụ thể những vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình và từ đó đưa ra các giải

pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và đảm bảo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở khái quát về bình đẳng giới nói chung và pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng, thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta hiện nay, mục đích nghiên cứu là trên cơ sở làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị và đề xuất các quan điểm, giải pháp đổi mới và tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện, đảm bảo quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu tình hình tổng quan để thu thập, hệ thống hóa, đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, trên cơ sở đó, xác định những kết quả nghiên cứu mà luận văn sẽ kế thừa và chỉ ra những vấn đề mà các công trình khoa học chưa giải quyết hoặc phải tiếp tục nghiên cứu.

- Nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận về bình đẳng giới, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc về bình đẳng giới; phân tích làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và áp dụng pháp luật; quan điểm của Đảng, Nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

- Phân tích, thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình để từ đó rút ra các kết luận có ý nghĩa thực tiễn đối với nước ta nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng.

- Đề xuất phương hướng, quan điểm và giải pháp từng bước hoàn thiện chính sách pháp luật cho thời gian trước mắt cũng như về lâu dài về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị phù hợp với chính sách của

Đảng, Nhà nước và hệ thống pháp luật chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu: Tập trung mô tả thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như công tác bầu cử, công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ trong cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể trong thời gian vừa qua, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị trong thời gian tới tại tỉnh Quảng Bình.

4.2 Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình. Các số liệu, thông tin làm cơ sở đánh giá được thu thập trong khoảng thời gian hơn 10 năm trở lại đây(từ năm 2006 đến năm 2018).

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Cơ sở lý luận

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng một số phương pháp nghiên cứu, như: Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, phương pháp khảo cứu tài liệu, phương pháp phân tích luật học, tổng hợp, thống kê, so sánh giữa lý luận và thực tiễn nhằm làm sáng tỏ các quy định của pháp luật về bình đẳng giới và kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Các phương pháp nghiên cứu này giúp cho việc nghiên cứu đề tài được xem xét, đánh giá từ nhiều góc độ khác nhau từ đó góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật và thực hiện mục tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1 Ý nghĩa lý luận

Trong thời gian vừa qua, đã có một số các công trình nghiệp cứu khoa học, đề tài, luận văn nghiên cứu pháp luật về bình đẳng giới nói chung và pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng. Tuy nhiên các đề tài này chỉ đề cập

đến một số khía cạnh nhất định của bình đẳng giới, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách hệ thống, đi sâu vào việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối toàn diện về việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình. Luận văn góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, triển khai các chương trình, các hoạt động liên quan đến quyền chính trị của phụ nữ, vai trò và vị thế của phụ nữ khi tham gia vào công tác quản lý, công tác lãnh đạo trong cấp ủy Đảng, bộ máy nhà nước, công tác bổ nhiệm, đề bạt cán bộ nữ trong các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội hiện nay ở Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung...

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn gồm có 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Chương 2: Thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Quan điểm và các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1.1 Tổng quan về bình đẳng giới

1.1.1 Khái niệm về giới, bình đẳng giới

1.1.1.1. Khái niệm về giới tính và giới

Giới tính là sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam giới và phụ nữ. Giới tính là bẩm sinh và đồng nhất (nam và nữ khắp nơi trên thế giới đều có chức năng/cơ quan sinh sản giống nhau), không thể thay đổi được (giữa nam và nữ), do các yếu tố sinh học quyết định. Chúng ta sinh ra là đàn ông hay đàn bà, chúng ta không thể lựa chọn và không thể thay đổi được điều đó (Tổ chức Y tế thế giới). Theo đó, khoản 1 Điều 5 Luật Bình đẳng giới 2006 cũng quy định: “ *Giới tính chỉ đặc điểm sinh học của nam và nữ*” [30, tr.5].

Giới là phạm trù đề cập đến vai trò, hành vi, hoạt động và các thuộc tính do xã hội quy định và gán ghép cho nam, nữ (Tổ chức Y tế thế giới). Khoản 2 điều 5 Luật Bình đẳng giới 2006 cũng quy định về Giới : “ *Giới là khái niệm chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội*” [30,tr.5].

Giới phản ánh sự khác biệt giữa nam và nữ về khía cạnh xã hội. Những sự khác biệt này là do quá trình sinh học mà thành, đa dạng, và có thể thay đổi. Chúng thay đổi theo thời gian, từ nước này sang nước khác, từ nền văn hoá này sang nền văn hoá khác trong một bối cảnh cụ thể của một xã hội, do nhiều yếu tố quyết định như yếu tố lịch sử, xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa,...

Quá trình thay đổi các đặc điểm giới giữa nam và nữ thường cần nhiều thời gian bởi vì nó đòi hỏi một sự thay đổi trong tư tưởng, định kiến, nhận thức, thói quen và cách cư xử vốn được coi là mẫu mực của cả xã hội. Sự thay đổi về mặt xã hội này thường diễn ra chậm và phụ thuộc vào mong muốn và quyết tâm thay đổi của con người.

1.1.1.2. Các vai trò giới

Trong cuộc sống hàng ngày, nam và nữ đều tham gia vào mọi hoạt động của đời sống xã hội, tuy nhiên mức độ tham gia của nam và nữ trong các hoạt động là khác nhau do xuất

phát từ những quan niệm, các chuẩn mực xã hội quy định. Những công việc mà họ đảm nhận được gọi là vai trò giới.

Vai trò giới là tập hợp các hành vi ứng xử mà xã hội mong đợi ở nam và nữ liên quan đến những đặc điểm giới tính và năng lực mà xã hội coi là thuộc về nam giới hoặc thuộc về phụ nữ trong một xã hội hoặc một nền văn hoá cụ thể nào đó. Vai trò giới được quyết định bởi các yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội.

Thông thường, phụ nữ và nam giới thường có 3 vai trò giới như sau:

Thứ nhất, *vai trò sản xuất*. Vai trò sản xuất là các hoạt động làm ra sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ để tiêu dùng và trao đổi thương mại. Đây là những hoạt động tạo ra thu nhập, được trả công. Cả phụ nữ và nam giới đều có thể tham gia vào các hoạt động sản xuất, tuy nhiên do những quan niệm, định kiến truyền thống trong xã hội nên mức độ tham gia của họ không như nhau và giá trị công việc họ làm cũng không được nhìn nhận như nhau, những thành quả mà nam giới làm được luôn được đề cao hơn phụ nữ. Xã hội coi trọng và đánh giá cao vai trò này.

Thứ hai, *vai trò tái sản xuất*. Là các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ...giúp tái sản xuất dân số và sức lao động bao gồm sinh con, các công việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy và chăm sóc trẻ con, nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, chăm sóc sức khoẻ gia đình... Những hoạt động này là thiết yếu đối với cuộc sống con người, đảm bảo sự phát triển bền vững của dân số và lực lượng lao động; tiêu tốn nhiều thời gian nhưng không tạo ra thu nhập, vì vậy mà ít khi được coi là "công việc thực sự". Xuất phát từ những tư tưởng “*đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm*” cho nên hầu hết phụ nữ và trẻ gái đóng vai trò và trách nhiệm chính trong các công việc tái sản xuất. Xã hội không coi trọng và đánh giá cao vai trò này.

Thứ ba, *vai trò cộng đồng*. Bao gồm một tổ hợp các sự kiện xã hội và dịch vụ: ví dụ như thăm hỏi động viên gia đình bị nạn trong thảm họa, thiên tai; nấu cơm hoặc bố trí nhà tạm trú cho những gia đình bị mất nhà ở; huy động cộng đồng đóng góp lương thực, thực phẩm cứu trợ người bị nạn... Công việc cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển văn hoá tinh thần của cộng đồng. Có lúc nó đòi hỏi sự tham gia tình nguyện, tiêu tốn thời gian và không nhìn thấy ngay được. Có lúc nó lại được trả công và có thể nhìn thấy.

Cả nam và nữ đều có khả năng tham gia vào cả ba loại vai trò trên. Tuy nhiên, trên thực tế, phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm vai trò tái sản xuất đồng thời cũng phải tham gia tương đối nhiều vào các hoạt động sản xuất. Gánh nặng công việc gia đình cản trở người phụ nữ tham gia một cách tích cực và thường xuyên vào các hoạt động cộng đồng. Kết quả là, đàn ông có nhiều thời gian và cơ hội hơn để thể hiện năng lực, đảm nhận vai trò cộng đồng và rất ít khi tham gia vào các hoạt động tái sản xuất.

1.1.1.3. Định kiến giới

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ. [24tr.6]

Định kiến giới là suy nghĩ của mọi người về những gì mà phụ nữ và nam giới có khả năng làm và loại công việc mà họ có thể làm và nên làm; là tập hợp các đặc điểm mà một nhóm người, một cộng đồng cụ thể nào đó gán cho là thuộc tính của nam giới hay nữ giới. Các định kiến giới thường theo xu hướng nhìn nhận ít tích cực, không phản ánh đúng khả năng thực tế của từng cá nhân dẫn đến việc làm sai lệch và hạn chế những điều mà một cá nhân nam, nữ có thể làm, cần làm hoặc nên làm.

1.1.1.4. Nhạy cảm giới

Nhạy cảm giới là nhận thức được các nhu cầu, vai trò, trách nhiệm mang tính xã hội của phụ nữ và nam giới nảy sinh từ những đặc điểm sinh học vốn có của họ. Đồng thời hiểu được điều này dẫn đến khác biệt giới về khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi trong quá trình phát triển của nam và nữ.

1.1.1.5. Trách nhiệm giới

Trách nhiệm giới là có nhạy cảm giới và có những biện pháp hoặc hành động thường xuyên, tích cực và nhất quán trong công việc để loại trừ nguyên nhân bất bình đẳng giới nhằm đạt được bình đẳng giới.

1.1.1.6 Bình đẳng giới

Bình đẳng giới ngụ ý rằng nam giới và nữ giới, trong đó gồm có cả cộng đồng người đồng tính luyến ái và người chuyển giới cần nhận được việc đối xử công bằng trong tất cả các khía cạnh của đời sống KT-XH và quyền con người như: giáo dục, y tế, văn hóa, hôn nhân, gia đình, việc làm, các chính sách phúc lợi. Mục tiêu cơ bản của bình đẳng

giới là nhằm cung cấp sự bình đẳng về mặt luật pháp cũng như bình đẳng ở vị thế xã hội, đặc biệt là trong hoạt động bầu cử và bảo đảm trả lương công bằng.

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam trong lĩnh vực văn hoá- xã hội, được quy định trong các văn bản pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và trong các Công ước Quốc tế (Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới, Công ước về quyền chính trị của phụ nữ, Công ước Liên Hợp Quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ...) mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Khoản 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “ *Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển*”. Hiểu một cách cụ thể là mọi người dù là nam hay nữ với tư cách là các cá nhân đều có quyền bình đẳng và cần được tạo cơ hội như nhau để phát huy tiềm năng sẵn có cũng như có quyền thụ hưởng bình đẳng trong quá trình phát triển chung như: tiếp cận và sử dụng các nguồn lực, tham gia quyết định những vấn đề liên quan tới việc sử dụng nguồn lực, tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thụ hưởng những thành tựu của sự phát triển.

1.1.2 Đặc điểm, vai trò của bình đẳng giới

1.1.2.1 Đặc điểm của bình đẳng giới

Bình đẳng giới thể hiện vai trò, vị trí của nam và nữ được công nhận ngang nhau trong các quan hệ xã hội do đó bình đẳng giới có các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, về tính ngang quyền. Để đạt được bình đẳng giới, phụ nữ cần được tạo điều kiện và có cơ hội ngang bằng với nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ví dụ, cần có quy định chung cho phụ nữ và nam giới về việc hưởng thụ các quyền và gánh vác các nghĩa vụ. Đây là các quy định bình đẳng mang tính tối thiểu, không thể thiếu để đảm bảo về mặt pháp lý quyền bình đẳng nam nữ (công dân nam và nữ đều có quyền bầu cử, ứng cử; có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; có quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn...)

Thứ hai, về tính ưu đãi. Do đặc điểm sinh học và truyền giống của phụ nữ khác biệt so với nam giới, để bình đẳng giới được đảm bảo cần có sự đối xử ưu đãi, khuyến khích đặc

biệt và hợp lý đối với phụ nữ. Ví dụ, phụ nữ phải đảm nhận vai trò tái sản xuất bao gồm sinh con, chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy pháp luật lao động quy định về chế độ thai sản đối với lao động nữ trong thời gian nghỉ vẫn được hưởng nguyên lương đồng thời được trợ cấp thai sản.

Thứ ba, về tính linh hoạt. Sự đối xử ưu đãi với phụ nữ cần được điều chỉnh linh hoạt trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, không mang tính bất biến, được xem xét dựa trên các đặc điểm về cơ học, yếu tố sức khỏe, yếu tố tâm lý để có những chính sách ưu tiên thích hợp trong lao động đối với phụ nữ, đặc biệt là những công việc mang tính chất nặng nhọc, trong môi trường độc hại.

Thứ tư, về tính phân loại. Bình đẳng giới không chỉ xem xét vị thế của phụ nữ và nam giới trong xã hội mà còn được xem xét giữa các tầng lớp phụ nữ thuộc các thành phần xã hội khác nhau trong các vùng lãnh thổ khác nhau, trong phạm vi quốc gia và trên thế giới.

1.1.2.2 Vai trò của bình đẳng giới

Bình đẳng giới được xem là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của một xã hội. Nó vừa là mục tiêu của sự phát triển vừa là yếu tố nâng cao khả năng tham gia đóng góp của phụ nữ vào sự phát triển ổn định và bền vững của quốc gia. Bởi lẽ này, bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

Thứ nhất, bình đẳng giới có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia. Là trung tâm của sự phát triển, là mục tiêu phát triển, là yếu tố để nâng cao khả năng tăng cường quốc gia, xóa đói giảm nghèo và quản lý nhà nước hiệu quả.

Thứ hai, bình đẳng giới được bảo đảm sẽ làm giảm sự chênh lệch giữa nam và nữ trong gia đình, trong xã hội, đảm bảo sự phát triển của từng cá nhân không có sự phân biệt về giới.

Thứ ba, bình đẳng giới góp phần đảm bảo công bằng xã hội, giải phóng phụ nữ - một nửa của xã hội khỏi những suy nghĩ, tư tưởng lạc hậu, trọng nam khinh nữ, tạo điều kiện cho người phụ nữ phát triển về mọi mặt, tham gia vào các hoạt động chính trị, hoạt động kinh tế - văn hóa – xã hội, từng bước nâng cao vị thế của phụ nữ.

1.1.3 Các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới

Các nguyên tắc về bình đẳng giới được cụ thể hoá từ các quy định của Hiến pháp 1992, theo đó, Điều 6 Luật Bình đẳng giới 2006 quy định nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới bao gồm sáu nguyên tắc sau:

Thứ nhất, nguyên tắc nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Bình đẳng nam, nữ có nghĩa là quyền và nghĩa vụ của nam và nữ được quy định như nhau trong pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như trong gia đình. Tuy nhiên, từ bình đẳng trước pháp luật đến bình đẳng trong thực tế đời sống còn cả một đoạn đường dài. Sự bình đẳng phải được ghi nhận và từng bước được củng cố với sự phát triển của xã hội, tạo cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội cho việc thực hiện bình đẳng hoàn toàn giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng.

Thứ hai, nguyên tắc nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới. Nguyên tắc nam nữ không bị phân biệt đối xử về giới được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Luật bình đẳng giới. Việc quy định nam, nữ hưởng quyền và gánh vác trách nhiệm ngang nhau trong pháp luật là nhằm bảo vệ và thực hiện bình đẳng nam nữ trên thực tế đời sống. Nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả các hành vi tạo nên sự bất bình đẳng nam nữ đều được loại trừ. Chính vì vậy cần đưa ra nguyên tắc nam nữ không bị phân biệt đối xử về giới và những quy phạm cụ thể khác quy định về cơ chế thực thi và thúc đẩy bình đẳng giới trên thực tế.

Theo Điều 5 Khoản 5 Luật Bình đẳng giới đã đưa ra khái niệm “*Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình*”. Như vậy, khái niệm trên thể hiện cách tiếp cận trung tính đối với bình đẳng giới, thay vì có một định nghĩa cụ thể về các hành vi phân biệt đối xử chống lại phụ nữ.

Luật Bình đẳng giới thể hiện rõ nguyên tắc nam nữ không bị phân biệt đối xử về giới trong nhiều quy định khác, như Điều 10 quy định các hành vi bị cấm, Điều 40 quy định các hành vi thể hiện sự phân biệt đối xử về giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, thể thao, y tế. Điều 41 quy định các hành vi thể hiện sự phân biệt đối xử về giới trong gia đình.

Thứ ba, nguyên tắc biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới. Bình đẳng giới là việc nam nữ có vị trí vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ

hội ngang nhau để phát huy năng lực của bản thân và bình đẳng trong việc hưởng thụ. Tuy nhiên, bình đẳng giới không tự nhiên mà có. Pháp luật cần quy định bình đẳng nam, nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, bình đẳng trong hưởng quyền và gánh vác nghĩa vụ, bình đẳng trong các điều kiện và cơ hội công hiến. Nhưng trên thực tế, việc xây dựng bình đẳng giới xuất phát từ hiện thực không bình đẳng, và từ bình đẳng trong pháp luật đến bình đẳng trên thực tế là một khoảng cách khá lớn và đầy thử thách, chông gai.

Theo Điều 5 Khoản 6 Luật bình đẳng giới, “*Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn về vị trí, vai trò, điều kiện cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành công của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục tiêu bình đẳng giới đã đạt được*”.

Như vậy, theo quy định trên, trong một số trường hợp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, cơ quan có thẩm quyền có thể đưa ra các quy định trong đó điều kiện được áp dụng cho nữ và nam khác nhau, nhằm hạn chế việc xuất phát điểm khác nhau của nữ và nam.

Thứ tư, nguyên tắc bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới. Phụ nữ có đặc điểm sinh học riêng, và giới tính của phụ nữ tạo cho họ vai trò làm mẹ, một thiên chức quan trọng nhằm tái sản xuất con người. Phụ nữ phải dành phần không nhỏ cuộc sống của mình để thực hiện vai trò của người mẹ (nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ, chăm sóc con cái...), do đó, so với nam giới, họ không có nhiều cơ hội và điều kiện để tham gia các hoạt động khác của đời sống xã hội.

Theo Điều 4 Khoản 2 CEDAW, việc các nước tham gia công ước chấp nhận các biện pháp đã có trong công ước nhằm bảo vệ quyền làm mẹ không bị coi là phân biệt đối xử. Đồng thời, tại Điều 11 của Công ước đã quy định về ngăn cấm việc phạt, thải hồi phụ nữ vì có mang hoặc nghỉ đẻ và phân biệt đối xử trong những trường hợp sa thải dựa vào tình trạng hôn nhân; về việc quy định chế độ cho phụ nữ nghỉ đẻ được trả lương hoặc các phúc lợi xã hội tương ứng; về khuyến khích các dịch vụ xã hội có tác dụng phụ trợ cần thiết để tạo điều kiện cho cha mẹ kết hợp được nghĩa vụ gia đình với trách nhiệm lao động và tham gia vào

đời sống cộng đồng; về cung cấp sự bảo hộ đặc biệt khi phụ nữ có mang trong công việc tỏ ra có hại đối với họ.

Điều 6 Khoản 4 Luật Bình đẳng giới đã cụ thể hoá các quy định trên của Công ước CEDAW và đưa thành một nguyên tắc: Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới. Điều 7 Luật Bình đẳng giới quy định “*Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ, tạo điều kiện để nam nữ chia sẻ công việc gia đình*”. Theo Điều 14, “*Nữ cán bộ, công chức viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của pháp luật*”; “*Phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi sinh con đúng chính sách dân số được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ*” (Điều 17).

Thứ năm, nguyên tắc bảo đảm lồng ghép vấn đề về bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật. Trong xã hội hiện đại, pháp luật là công cụ điều chỉnh hành vi của con người một cách hiệu quả nhất. Việc xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện với các quy phạm pháp luật bảo đảm bình đẳng giới và việc thi hành nghiêm chỉnh hệ thống pháp luật đó là điều kiện cơ bản và tiên quyết để đạt đến bình đẳng giới thực chất. Là Công ước duy nhất hiện nay xác lập các điều luật quốc tế về quyền phụ nữ và trách nhiệm của các quốc gia trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động phù hợp để đạt được sự bình đẳng thực chất giữa nam và nữ, Công ước CEDAW đã quy định tại Điều 3: “*Chuyển hóa những nội dung cơ bản của Công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia*”. Đây là trách nhiệm lập pháp của các quốc gia thành viên. Cụ thể hoá Công ước CEDAW về vấn đề này không trái với pháp luật Việt Nam, Khoản 5 Điều 6 Luật Bình đẳng giới quy định nguyên tắc bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật tức là đưa vấn đề giới, mục tiêu giới và các quá trình nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi hoạt động của các nhóm xã hội vào hoạt động xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật. Nhà nước là chủ thể hoạch định chính sách, tiến hành quá trình lập pháp, lập quy. Các cơ quan có thẩm quyền ban hành pháp luật của nhà nước cần có quan điểm bình đẳng giới trong khi xem xét những tác động bất lợi về giới có thể xảy ra khi ban hành các quy định của pháp luật. Trong

quá trình áp dụng pháp luật cần có quy định rõ cơ chế giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với việc thực hiện bình đẳng giới.

Để cụ thể hoá nguyên tắc này, Luật Bình đẳng giới quy định tại Điều 21 về biện pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Điều 22 về thẩm tra lồng ghép vấn đề giới, các quy định từ Điều 35 đến Điều 42 về tranh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Thứ sáu, nguyên tắc thực hiện bình đẳng giới, trước hết thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước, đồng thời là trách nhiệm của mọi tổ chức, gia đình, cá nhân. Thực hiện bình đẳng giới là vấn đề quan trọng. Đây không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà còn là trách nhiệm của các tổ chức, gia đình và cá nhân. Các tư tưởng định kiến giới như trọng nam khinh nữ, coi việc nội trợ là việc của phụ nữ... đã ăn sâu vào tư duy của con người, cả nam giới và phụ nữ và là quan niệm xã hội. Muốn thay đổi định kiến giới, không chỉ có vai trò của Nhà nước trong hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, mà các cơ quan, tổ chức, công dân cũng phải tiến hành tuân thủ các quy định của pháp luật về vấn đề bình đẳng giới, đồng thời tích cực vận động tuyên truyền bình đẳng giới nhằm đạt đến sự thay đổi về bề rộng và bề sâu các tư tưởng, quan niệm bất bình đẳng nam nữ. Chương IV Luật Bình đẳng giới đã quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới (Từ Điều 25 đến Điều 34).

1.2 Tổng quan thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.2.1 Khái niệm thực hiện pháp luật và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.2.1.1 Khái niệm thực hiện pháp luật

Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật. [12, tr.449]

Căn cứ vào tính chất của các hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã xác định thực hiện pháp luật bao gồm những hình thức sau đây:

- Tuân theo (tuân thủ) pháp luật (xử sự thụ động) là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.

- Thi hành (chấp hành) pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng hành động tích cực.

- Sử dụng (vận dụng) pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép).

- Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể.

1.2.1.2 Khái niệm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước không ngừng xây dựng, hoàn thiện pháp luật mà còn có tạo ra khuôn khổ, phạm vi, trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật, kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Các quy phạm pháp luật muốn đi vào đời sống xã hội và có hiệu quả thì phải gắn liền và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, với các chủ thể, được thực hiện qua hoạt động có mục đích của chủ thể. Sau khi được ban hành, pháp luật phải được các chủ thể tiếp nhận, tôn trọng và tự giác thực hiện nhằm phát huy vai trò của mình trong việc điều chỉnh hành vi của chủ thể. Vì thế, thực hiện pháp luật là quá trình các chủ thể khi gặp phải tình huống, sự kiện mà quy phạm pháp luật đã dự tính, từ nhận thức, vận dụng sáng tạo chúng vào các tình huống cụ thể đó bằng hành vi thực tế, hợp pháp của mình. Mặt khác, thực hiện pháp luật còn là nghĩa vụ của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân và được tiến hành bằng nhiều hình thức với quy trình khác nhau.

Pháp luật về bình đẳng giới là tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, bảo đảm cho công dân nam, nữ có vai trò, cơ hội phát triển như nhau, được hưởng thụ như nhau những thành quả của sự phát triển, tiến tới bình đẳng giới giữa nam và nữ.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bao gồm nhiều biện pháp tác động trong một quá trình nên có tính liên tục, thường xuyên. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới giúp chủ

thể (nam – nữ) này tiếp cận pháp luật, nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của họ trong xã hội; thúc đẩy tiến trình bình đẳng giới sớm đạt mục tiêu mong đợi. Do thuộc tính điều chỉnh và bắt buộc chung của pháp luật, nên thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đối với nước ta là nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó trước hết và chủ yếu thuộc về Nhà nước mà đại diện là cơ quan, đội ngũ cán bộ, công chức – người làm công tham mưu, hoạch định chính sách cán bộ nữ.

Như vậy, có thể hiểu thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật bình đẳng giới đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Hay nói cách khác, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là hoạt động thực tiễn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiến hành theo những hình thức pháp lý nhất định, có mối liên hệ và quy định lẫn nhau trong một cơ chế phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn lịch sử, nhằm hiện thực hóa các yêu cầu, nội dung của quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, bảo đảm cho bình đẳng giới được thiết lập và duy trì trong đời sống xã hội và gia đình.

1.2.2 Đặc điểm và vai trò của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1.2.2.1 Đặc điểm của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thứ nhất, về chủ thể thực hiện. Chủ thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mang tính đa dạng và phong phú. Cụ thể:

Các cơ quan nhà nước: Đây là chủ thể đặc biệt, là chủ thể mang tính quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước thực hiện trách nhiệm quản lý xã hội, đảm bảo cho quyền bình đẳng giới được tổ chức thực hiện trên một phạm vi rộng. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo cho bình đẳng giới được đảm bảo. Trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước không giống nhau bởi bình đẳng giới liên quan đến mỗi cơ quan khác nhau. Cơ quan hành chính, cơ quan tư pháp và cơ quan lập pháp có sự chi phối và tham gia ở các khía cạnh khác nhau trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Các tổ chức kinh tế, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị vũ trang nhân dân; Các gia đình, dòng họ và công dân Việt Nam có liên quan đến việc

thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ nhằm tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực.

Thứ hai, về phạm vi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Là môi trường và những giới hạn không gian, địa lý để các chủ thể tiến hành các hoạt động thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Để có được phạm vi thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đòi hỏi nhà nước phải quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới; chế độ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mang tính chất quản lý hành chính.

Thứ ba, về nội dung thực hiện. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới có nội hàm phong phú và bao trùm toàn bộ đời sống xã hội. Nội dung đó được thể hiện thông qua các chiến lược, chính sách, mục tiêu của nhà nước về bình đẳng giới, hướng đến việc thúc đẩy các quyền con người trong các lĩnh vực được tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

1.2.2.2 Vai trò của thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thứ nhất, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là cách thức để các quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước đi vào thực tiễn đời sống xã hội.

Đây là biện pháp cơ bản, có hiệu lực, hiệu quả nhất để đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, nhất là chính sách bảo đảm bình đẳng giới trong tham gia hoạt động quản lý nhà nước, các hoạt động xã hội khác đi vào cuộc sống. Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo. Sự lãnh đạo đó được thực hiện bằng việc đề ra đường lối, chủ trương, chính sách. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện bình đẳng giới thành pháp luật. Nội dung pháp luật bình đẳng giới là chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng đối với bình đẳng nam – nữ trong xã hội.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đảm bảo mục tiêu phát triển bình đẳng giữa nam và nữ.

Đây là một trong những phương tiện thực hiện mục tiêu của Nhà nước là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, tiến tới bình đẳng thực chất giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực; là phương thức đề cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, công dân trong đảm bảo công bằng chính trị - xã hội. Vì vậy, các cơ quan, cán bộ, công chức, công dân phải nghiêm chỉnh tuân thủ, chấp

hành và thực hiện đúng pháp luật; tích cực phòng ngừa, đấu tranh và chống các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

Thứ ba, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là phương thức giúp các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Hiện nay, trong xã hội vẫn còn tồn tại một số bộ phận còn mang tư tưởng định kiến về vai trò và vị thế của người phụ nữ, điều này làm hạn chế sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động chính trị, hoạt động xã hội.

Thứ tư, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới là biện pháp phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới giúp các chủ thể nhận thức được giới hạn hành vi bị nghiêm cấm, nhờ đó, mỗi chủ thể sẽ tự giác và chủ động thực thi quyền, nghĩa vụ; không vi phạm quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các chủ thể khác. Khi phát hiện chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bình đẳng giới thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 42 Luật Bình Đẳng giới).

Thứ năm, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định vị thế và trách nhiệm của Nhà nước ta trước cộng đồng quốc tế trong việc thực hiện các công ước quốc tế về nhân quyền, đảm bảo và thúc đẩy quyền con người.

1.3 Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bình đẳng giới, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Hiện nay, Việt Nam đã đạt nhiều kết quả đáng trân trọng về thúc đẩy bình đẳng giới; là nước được đánh giá là một trong những quốc gia có khung pháp lý về bình đẳng giới khá tiên bộ; đồng thời, việc thực hiện bình đẳng giới trong thực tiễn cũng đạt được những kết quả tích cực. Có được những thành công này là do Đảng ta đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới.

1.3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: “ *Nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải*

phóng phụ nữ là chỉ xây dựng xã hội một nửa.”; “Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình”[19,tr.165]. Nhận rõ vai trò của phụ nữ thế giới nói chung, phụ nữ Việt Nam nói riêng, Người nhận định rằng: "Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ".

Trong hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng không chỉ giành lại độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho nông dân nghèo, các sản nghiệp lớn cho công nhân, các quyền dân chủ tự do cho nhân dân, mà còn nhằm: "thực hiện nam, nữ bình quyền". Mục tiêu này đã được Người đưa vào Chương trình của Mặt trận Việt minh. Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố với thế giới và quốc dân rằng: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân.

Tư tưởng nam nữ bình quyền của Người còn được ghi trong luận cương của Đảng, được thể chế hoá sớm nhất trong điều 9 Hiến pháp năm 1946. Từ đó, quyền bình đẳng nam nữ được công bố và thừa nhận qua các văn bản quan trọng, Hiến pháp, pháp luật về hôn nhân và gia đình, các Chỉ thị, chính sách... đối với lao động nữ. Tư tưởng của Bác phù hợp với Tuyên bố của thế giới về quyền của con người. Đó là, mọi dân tộc trên thế giới đều có quyền hưởng tự do và bình đẳng.

Với cương vị của một Chủ tịch nước, trong những lo lắng quan tâm chung cho đồng bào cả nước, Bác luôn quan tâm tới sự bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Quyền lợi chính trị của chị em luôn được Bác chú ý. Bác nói Đảng và Chính phủ sẵn sàng tạo điều kiện cần nhắc và giao cho phụ nữ những chức trách quan trọng. Chúng ta thật tự hào khi nghe Bác nhận xét chị Nguyễn Thị Định - một người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu: “Phó Tổng tư lệnh quân giải phóng là cô Nguyễn Thị Định. Cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật là vẻ vang cho Miền Nam cho cả dân tộc!” Và Bác đã thay mặt cho Đảng, Nhà nước tặng phụ nữ Miền Nam nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung 8 chữ vàng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Có thể nói rằng, tư tưởng giải phóng phụ nữ, đem lại quyền bình đẳng cho phụ nữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức lớn lao, tư tưởng ấy đã chỉ dẫn cho người phụ nữ Việt Nam, cổ vũ chị em trên con đường đấu tranh đi tới bình đẳng tự do cùng nhân loại tiên bộ. Tư tưởng ấy cũng cho mỗi chúng ta một bài học nhân văn: coi trọng con người, tất cả vì con người.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bình đẳng giới, Đảng và Nhà nước ta đã vận dụng và phát triển một cách toàn diện tư tưởng của Bác về bình đẳng giới trong công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Hiện nay, Đảng và nhà nước ta đang đồng thời triển khai hai đạo luật về: Bình đẳng giới và chống bạo hành gia đình chính là thực hiện tư tưởng của Bác Hồ trong sự nghiệp đổi mới – hội nhập, xây dựng một xã hội Việt Nam giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.

1.3.2. Quan điểm của Đảng về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Quan điểm “Nam, nữ bình quyền” của Đảng và Bác Hồ được xác định ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930. Theo đó, hơn 88 năm qua, quan điểm đó luôn được quán triệt trong các văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng qua các thời kỳ.

Ngay trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 10/01/1967, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 152-NQ/TW về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận, chỉ rõ: “Tư tưởng phong kiến đối với phụ nữ còn tồn tại khá sâu sắc trong một số cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo. Thể hiện rõ nhất tư tưởng hẹp hòi, “trọng nam khinh nữ”, chưa tin vào khả năng lãnh đạo và khả năng quản lý kinh tế của phụ nữ, chưa thấy hết khó khăn trở ngại của phụ nữ...”

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ mới, việc phát huy hơn nữa vị trí, vai trò của các tầng lớp phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân là yêu cầu, đòi hỏi lớn. Chỉ thị số 44- CT/TW ngày 7/6/1984 của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ chỉ rõ: “Nhiều cấp ủy Đảng và lãnh đạo các ngành buông lỏng việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ... còn tư tưởng phong kiến, coi thường phụ nữ, đối xử thiếu công bằng với chị em...”; “Các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước, khi chiêu sinh cần quy định

tỷ lệ nữ một cách thoả đáng; ...Các trường lớp tập trung cần tổ chức nhà trẻ, lớp mẫu giáo để chị em có con nhỏ gửi cháu”....

Bước vào thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, ngày 12/7/1993 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới. Nghị quyết nhấn mạnh: “Xây dựng và sửa đổi, hoàn chỉnh các pháp luật, chính sách xã hội có liên quan đến phụ nữ và lao động nữ... Có chủ trương, chính sách phù hợp đối với phụ nữ dân tộc ít người, phụ nữ tôn giáo, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật”[24]. Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư TW về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới khẳng định: “Cần xây dựng Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng...Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nữ làm công tác khoa học - kỹ thuật, kinh tế, pháp luật, hành chính, quản lý nhà nước,...cán bộ nữ dân tộc ít người, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa. Các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể khi chiêu sinh cần có quy định tỷ lệ nữ một cách thoả đáng, đưa vào chương trình đào tạo những kiến thức về giới...”

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng chỉ rõ: “Đối với phụ nữ, thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ”[26]. Cụ thể hóa quan điểm nêu trên, ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về công tác

phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu mà Nghị quyết 11-NQ/TU đề ra là: “Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần, tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực, đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiên bộ nhất khu vực”[26].

Đến Đại hội XII, Đảng ta tiếp tục xác định phải “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội”[14].

Tóm lại, các quan điểm của Đảng ta đối với công tác vận động phụ nữ trong suốt mấy mươi năm qua là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình công tác vận động phụ nữ. Việc nắm bắt và vận dụng các quan điểm của Đảng vào thực tế công tác tại cơ sở là yêu cầu quan trọng nhằm chăm lo cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, phấn đấu để có bình đẳng giới thực sự.

1.3.3 Chính sách pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam đã được quy định trong Hiến pháp 1946: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9). Trong các bản Hiến pháp sửa đổi, bổ sung năm 1959, 1980 và 1992 quy định: “Công dân nam nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và gia đình. Nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nam nữ làm việc như nhau thì hưởng lương như nhau. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội” (Điều 63, Hiến pháp năm 1992).

Về bình đẳng giới trong chính trị, Điều 54 - Hiến pháp năm 1992 cũng ghi rõ: “Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật”.

Kế thừa Hiến pháp 1992, Điều 26 Hiến pháp 2013 cũng quy định cụ thể:

“ 1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và lợi ích bình đẳng giới.

2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.”

Để đảm bảo quyền bình đẳng trong lĩnh vực chính trị của phụ nữ, trước hết phải kể đến quyền bầu cử và ứng cử. Đây là quyền lợi chính trị cực kỳ quan trọng của phụ nữ Việt Nam. Điều 6, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”; Điều 27 quy định: "Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định". Điều 8, Điều 9, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: “Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do UBND Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn Chủ tịch BCH Trung ương Hội LHPN Việt Nam, bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu HĐND là phụ nữ”.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về bình đẳng giới, ngày 29/11/2006, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa XI) đã biểu quyết thông qua Luật Bình đẳng giới. Điều này thể hiện quyết tâm của Nhà nước và ý chí của toàn dân về vấn đề thúc đẩy bình đẳng giới và thực hiện quyền phụ nữ.

Luật Bình đẳng giới (2006) đã khái quát hóa các quyền bình đẳng của phụ nữ được phản ánh trong các văn bản luật pháp đã có trước đây, đồng thời đã đề cao những nguyên tắc cơ bản như: Nam nữ bình đẳng trong các lĩnh vực đời sống xã hội và gia đình, nam nữ không bị phân biệt, đối xử về giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới, bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi luật pháp, thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân.

Trong đó, tại Điều 11, Luật Bình đẳng giới quy định rõ các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong chính trị bao gồm: 1) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia bình đẳng giới; 2) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng việc bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

Ngày 24/12/2010, Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 bằng Quyết định 2351/QĐ-TTg. Có thể thấy chiến lược là một nỗ lực lớn của chính phủ trong việc bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng giới ở nước ta. Chiến lược có mục tiêu tổng quát là: "*Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước*". Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 với 7 mục tiêu, 22 chỉ tiêu nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Trong đó, mục tiêu 1 về Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị quy định 3 chỉ tiêu sau: *Chỉ tiêu 1*: Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016- 2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2020 trên 35%. *Chỉ tiêu 2*: Phần đầu đến năm 2020 đạt trên 95% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. *Chỉ tiêu 3*: Phần đầu đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Ngày 16/3/2015 Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch triển khai Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới". Mục tiêu là thông qua việc triển khai một số giải pháp bảo đảm thực hiện bình đẳng giới, góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ và giảm khoảng cách giới trong một số lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao.

Những quy định pháp lý đã góp phần thực hiện tốt chương trình bình đẳng giới trên các lĩnh vực. Trong đó, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là một trong những lĩnh vực nổi bật và được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

1.4. Nội dung thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

1.4.1 Chủ thể, đối tượng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Chủ thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới mang tính đa dạng và phong phú. Điều này được quy định cụ thể tại Điều 2 Luật Bình đẳng giới :

“ 1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân).

2. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam.”

Thứ nhất, chủ thể là cơ quan nhà nước. Đây là chủ thể đặc biệt vì trong quá trình thực hiện, cơ quan nhà nước phải thể hiện là chủ thể mang tính quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước thực hiện trách nhiệm quản lý xã hội, đảm bảo cho quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được tổ chức thực hiện trên một phạm vi rộng lớn là toàn quốc. Bên cạnh đó, các cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để đảm bảo cho bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được thực hiện trên thực tế. Trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước không giống nhau bởi lẽ bình đẳng giới liên quan đến mỗi cơ quan khác nhau ở những nội dung nhất định. Cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp và cơ quan lập pháp có sự chi phối và tham gia ở các khía cạnh khác nhau trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Thứ hai, chủ thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị còn là các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Các tổ chức kinh tế, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị vũ trang nhân dân; Các dòng họ, gia đình và công dân Việt Nam có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam,

nữ nhằm tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ trong lĩnh vực chính trị. Mỗi chủ thể đóng một vai trò nhất định đối với việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

1.4.2 Đặc trưng và phương thức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Hiến pháp 2013 sửa đổi, bổ sung với những điểm mới quan trọng, đặc biệt là đề cao quyền con người, quy định tại Chương II của Hiến pháp : “ Quyền con người và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Theo đó, nội dung của nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật được quy định tại Điều 16: “ Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”.

Khoản 1,2,3,4 Điều 11 Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

Phương thức thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là cách thức và phương pháp tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trên thực tế. Căn cứ vào các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước tiến hành hình thành khung pháp lý bảo đảm thực hiện bằng việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung có liên quan đến bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Xây dựng hệ thống bộ máy cơ quan thực hiện pháp luật về bình đẳng giới có trình độ chuyên môn, năng lực, am hiểu về công tác phụ nữ trong tình hình mới và bình đẳng giới trong xã hội ngày nay. Từ các quy định pháp luật, các cơ quan chuyên môn xây dựng các chương trình

hành động, các kế hoạch thực hiện, đề ra các biện pháp bảo đảm thực hiện trên thực tế. Trong lĩnh vực chính trị, việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới thể hiện ở việc đảm bảo tỷ lệ nữ tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị, cơ cấu nữ trong các cơ quan Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội khác. Từ đó, nâng cao vị thế của người phụ nữ, khẳng định trình độ năng lực của cán bộ nữ quản lý, thay đổi được suy nghĩ nhận thức của một bộ phận người dân trong xã hội.

1.5 Các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

1.5.1 Yếu tố chính trị - pháp luật

Yếu tố chính trị là một trong những yếu tố tác động quan trọng việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Mỗi một quốc gia đều xây dựng một đường lối chính trị riêng phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đất nước, là nhằm xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nền kinh tế phát triển, phát huy nền dân chủ thực sự. Đường lối chính trị này được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp quy định chế độ chính trị, tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đây chính là cơ sở pháp lý để xây dựng một xã hội có cơ cấu tổ chức và chế độ chính trị hướng tới sự tôn trọng, bảo vệ quyền bình đẳng giới, quyền con người.

Yếu tố pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng mang tính quyết định đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Yếu tố pháp luật ảnh hưởng đến thực hiện bình đẳng giới ở các nội dung cụ thể như: chất lượng của pháp luật thực định, hiệu quả áp dụng đối với bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; nhận thức và hiểu biết pháp luật của xã hội và của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cá nhân.

Chất lượng của pháp luật thực định, hiệu quả áp dụng đối với bình đẳng giới là yếu tố đảm bảo đầu tiên để thực hiện pháp luật, bởi lẽ pháp luật có chất lượng thấp sẽ rất khó khăn để đưa pháp luật vào cuộc sống, hiệu quả đem lại không cao, tính thực thi trên thực tế sẽ không được đảm bảo. Muốn thực hiện pháp luật tốt, điều quan trọng nhất là phải có được hệ thống pháp luật có chất lượng, nếu không sẽ rất khó trong tổ chức thực hiện.

Nhận thức và hiểu biết pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị của xã hội, của cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cá nhân là bảo đảm quan trọng trong thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi pháp luật về bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực phải được các chủ thể, đặc biệt là cơ quan, cán bộ, công chức và cá nhân liên quan thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất. Nhận thức pháp luật bao gồm hiểu biết kiến thức cơ bản về pháp luật về bình đẳng giới; các nguyên tắc mang tính mệnh lệnh, nghiêm cấm hoặc khuyến khích được làm của pháp luật. Việc hình thành kiến thức cơ bản về pháp luật giúp cho các chủ thể có sự hiểu biết nhất định, có lòng tin đối với pháp luật, tự giác điều chỉnh hành vi xử sự của mình trong các quan hệ xã hội; thấy được pháp luật là công cụ có hiệu lực sắc bén trực tiếp bảo vệ quyền lợi của họ. Hình thành các thiết chế thực hiện pháp luật bình đẳng giới, hỗ trợ các chủ thể thực hiện pháp luật là bảo đảm về tổ chức thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực.

1.5.2 Yếu tố kinh tế, xã hội

Về yếu tố kinh tế, phát triển kinh tế chính là cơ sở vật chất, đây là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Tuy nhiên, muốn phát triển kinh tế thì đường lối, chính sách của Đảng, cơ chế thực hiện phải được cụ thể hóa trong pháp luật. Pháp luật sẽ tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phát huy được mọi tiềm năng, hạn chế các mặt tiêu cực, từ đó tạo điều kiện vững chắc cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Về yếu tố xã hội, trong thời gian qua, phụ nữ Việt Nam chịu tác động sâu sắc và lâu dài của những quan niệm truyền thống chủ yếu là của Nho giáo về gia đình nên sẵn sàng hy sinh cả sự tiến bộ và hạnh phúc của mình để làm tròn vai trò chăm sóc gia đình. Phụ nữ không có thời gian cho mình và không được tin tưởng, thường chịu nhiều định kiến và ít có cơ hội... Tất cả những điều đó đã hạn chế cơ hội của phụ nữ trong việc học tập, tham gia các hoạt động xã hội và cao hơn là theo đuổi sự nghiệp, khẳng định vị trí của mình trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây chính là cơ sở khoa học để định hướng thay đổi nhận thức và thực hiện hành vi bình đẳng giới, thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới để Việt Nam đạt các mục tiêu phát triển bền vững về giới cũng như các mục tiêu phát triển bền vững nói chung.

1.5.3 Yếu tố văn hóa, trình độ nhận thức, ý thức pháp luật, giới và quyền con người

Yếu tố văn hóa, trình độ nhận thức, ý thức pháp luật về giới và quyền con người có tầm ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Hiện nay, vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ trong một bộ phận dân cư trong xã hội, một bộ phận xã hội không hiểu đúng về bình đẳng, còn quan niệm rằng bình đẳng giới là ưu tiên cho phụ nữ và việc thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của Nhà nước. Mặt khác, phụ nữ còn tự ti, an phận, cam chịu và chấp nhận với định kiến tồn tại trong xã hội. Trình độ nhận thức về giới và quyền con người được nâng cao sẽ tạo bước chuyển biến, thúc đẩy toàn xã hội thay đổi hành vi thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc bất bình đẳng giới cao.

Mặt khác, mỗi phụ nữ phải có ý thức tự phấn đấu vươn lên, tự giải phóng mình khỏi định kiến về giới, không ngừng cố gắng học tập nâng cao kiến thức để khẳng định vai trò, vị trí của mình trong xã hội.

1.5.4 Yếu tố về thể chế, cơ chế và nguồn lực

Yếu tố về thể chế, đây là những quy tắc chính thức, các quy định không chính thức hay những nhận thức chung có tác động kìm hãm, định hướng hoặc chi phí sự tương tác của các chủ thể chính trị với nhau trong những lĩnh vực nhất định. Trong công tác bình đẳng giới, yếu tố thể chế đóng vai trò chủ đạo, là cơ sở cho việc xây dựng cơ chế thực hiện, đảm bảo việc thực thi các quy định về bình đẳng giới trên thực tế.

Các quy tắc chính thức bao gồm Hiến pháp, các bộ Luật, điều Luật, Hiến chương, văn bản dưới luật... quy định các nội dung liên quan về bình đẳng giới. Các quy tắc không chính thức có vai trò mở rộng, chi tiết hóa hoặc chỉnh sửa các quy tắc chính thức và điều chỉnh hành vi của các chủ thể thông qua các chuẩn tắc xã hội bao gồm các truyền thống, tập quán, những điều cấm kỵ,... hay các quy tắc xử sự nội bộ.

Vai trò của các thể chế thể hiện ở chỗ chúng tạo nên một khuôn khổ pháp lý mà ở đó hành động của các chủ thể trở nên dễ đoán trước hơn. Pháp luật bình đẳng giới tạo ra không

gian, phạm vi đồng thời đặt ra các biện pháp cụ thể nhằm cho phép các chủ thể thực hiện các hoạt động liên quan đến bình đẳng giới.

Yếu tố cơ chế, là cách thức tổ chức nội bộ và quy luật vận hành, biến hóa của một hiện tượng. Việc xây dựng bộ máy thực hiện công tác bình đẳng giới được pháp luật quy định với các nội dung cụ thể bao gồm các quy định về mục đích, phương tiện, số lượng, thành phần, nhiệm vụ quyền hạn, các điều kiện và nguồn lực khác. Yếu tố nguồn lực, đây là điều kiện quan trọng để thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; nhà nước cần có chủ trương, chính sách tập trung các nguồn lực và có chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước để đảm bảo và tăng cường thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong chính trị bao gồm: ngân sách nhà nước, các khoản đầu tư, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức nước ngoài về tài chính, công sức, trí tuệ, kỹ thuật,... Nhà nước là cơ quan quản lý trực tiếp các nguồn lực ngân sách nhà nước, từ các khoản viện trợ chính phủ; đồng thời có chính sách phù hợp huy động các nguồn lực, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân hợp tác, giúp đỡ dưới mọi hình thức trong việc đảm bảo và tăng cường thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Tiểu kết Chương

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật nhằm phát huy vai trò của hệ thống pháp luật trong việc điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội, đặc biệt là trong công tác phụ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm những nội dung chính như: Đảng, Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động, các chương trình nhằm mục đích đưa chính sách pháp luật về bình đẳng giới đi vào cuộc sống; Tổ chức các hoạt động áp dụng pháp luật, các biện pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, các chế tài xử lý các tranh chấp, vướng mắc, vi phạm pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện; Phối hợp và hỗ trợ các chủ thể trong việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị một cách thuận tiện và đạt hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TẠI QUẢNG BÌNH

2.1 Đặc điểm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình

2.1.1 Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và sự ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Quảng Bình là tỉnh ven biển Bắc Trung bộ, có tổng diện tích tự nhiên 8.065km², trong đó 85% diện tích tự nhiên là đồi núi, có bờ biển dài trên 116,4 km; toàn tỉnh có 8 đơn vị hành chính, gồm 6 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố (trong đó, có 2 huyện miền núi và rẻo cao), 159 xã, phường, thị trấn (65 xã miền núi, 28 xã rẻo cao). Dân số của tỉnh trên 907.000 người, với 3 dân tộc anh em là Kinh, Chứt và Bru-Vân Kiều.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các tầng lớp nhân dân Quảng Bình đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, truyền thống quê hương cách mạng, đoàn kết, sáng tạo, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những bước chuyển biến đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt khá, từ 5-7%; thu nhập bình quân đầu người đạt 28,72 triệu đồng (năm 2016), tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 12,42% theo chuẩn đa chiều. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được đầu tư, nâng cấp và phát huy có hiệu quả. Văn hóa giáo dục, y tế và các vấn đề an sinh xã hội được đảm bảo. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, quốc phòng-an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được chú trọng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ngày càng được nâng lên.

Tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân diễn biến tích cực, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường và mở rộng. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với các tầng lớp nhân dân được củng

cổ. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động đạt được nhiều kết quả thiết thực.

Tuy nhiên, do tỉnh còn nhiều khó khăn, điểm xuất phát thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế; mặt khác, lại thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; gần đây, sự cố môi trường biển ở 04 tỉnh miền Trung đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, tác động lớn đến đời sống việc làm, thu nhập và tâm trạng của các tầng lớp nhân dân trong toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, Kết luận số 55-KL/TW gắn với Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, trong những năm qua, các cấp ủy Đảng đã quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Do đó, lực lượng phụ nữ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo, quản lý, lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh doanh ngày càng nhiều hơn. Nhiều phụ nữ biết phát huy nội lực, ý chí vươn lên và đã thành đạt, tự khẳng định mình trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội.

Tuy vậy, thực tế cho thấy hiện nay phụ nữ Quảng Bình vẫn đang phải chịu nhiều thiệt thòi hạn chế, đó là: việc làm của phụ nữ trong một số doanh nghiệp trên địa bàn không ổn định, điều kiện lao động, chính sách tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội chưa được quan tâm thực hiện đầy đủ, phụ nữ nông thôn thiếu việc làm, cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em gái và phụ nữ nông thôn, vùng biển, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa còn hạn chế, tỷ lệ mù chữ, nghèo còn cao. Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, các cơ quan dân cử còn thấp; cơ chế thị trường làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội tác động đến những giá trị truyền thống tốt đẹp của phụ nữ. Lối sống thực dụng có xu hướng phát triển trong một bộ phận phụ nữ, biểu hiện suy thoái về đạo đức, phẩm chất. Một số phụ nữ còn tự ti, an phận, chưa chủ động vượt khó vươn lên, còn tư tưởng níu kéo, chưa ủng hộ nhau. Đặc biệt một số phụ nữ bị lợi dụng, bị xúi giục sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật làm ảnh

hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác phụ nữ còn nhiều bất cập, phương pháp công tác vận động phụ nữ còn hạn chế.

2.1.2 Tổ chức, bộ máy và cơ chế thực hiện bình đẳng giới và pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

2.1.2.1 Tổ chức, bộ máy và cơ chế thực hiện

Sau khi triển khai Luật Bình đẳng giới năm 2016, Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng bộ máy thực hiện công tác bình đẳng giới và Ban vì sự tiến bộ phụ nữ từ cấp tỉnh cho đến cấp xã, phường. Đối với cấp tỉnh, lực lượng thực hiện công tác bình đẳng giới và công tác phụ nữ được bố trí với sự tham gia của các sở, ban ngành cấp tỉnh gồm 27 thành viên, trong đó đồng chí Phó Chủ tịch UBND Tỉnh phụ trách Văn hóa – xã hội làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội làm Phó trưởng ban thường trực, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó trưởng ban, Chủ tịch Hội LHPN tỉnh làm Phó trưởng ban, Giám đốc Sở Tài chính làm Phó trưởng ban. Các thành viên gồm có: Phó Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo, Phó Giám đốc Đài phát thanh truyền hình, Phó Giám đốc Sở thông tin và truyền thông, Phó giám đốc Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Phó giám đốc Sở Tư pháp, Phó Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQVN, Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phó giám đốc Công an Tỉnh, Phó trưởng ban dân tộc, Phó Cục trưởng Cục thống kê, Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội.

Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Bình làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chế độ hội họp tổ chức 6 tháng/lần để thông qua chương trình công tác, đánh giá kết quả hoạt động của Ban, của các thành viên và bàn các giải pháp để triển khai, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của Ban. Các thành viên của Ban có trách nhiệm báo cáo lãnh đạo Ban về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Định kỳ hoặc đột xuất, Ban báo cáo kết quả thực hiện các chương trình hành động và công tác của

Ban với UBND Tỉnh và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Bình có các nhiệm vụ như: Nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ, về công tác cán bộ nữ trong tỉnh; Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong tỉnh; Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc phối hợp thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong tỉnh; Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam theo định kỳ sáu tháng, một năm hoặc theo yêu cầu về tình hình hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ của Tỉnh; Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Ngoài ra, Ban có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước về bình đẳng giới tham mưu cho Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.1.2.2 Nguồn nhân lực và các điều kiện khác

Đội ngũ tham gia bộ máy làm công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị chủ yếu là lãnh đạo chủ chốt của các sở ban ngành, đoàn thể chính trị. Đây là những cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng trong cơ quan quản lý nhà nước. Với sự tham gia như thế này, sẽ tạo được cơ sở vững chắc cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Công tác tuyên truyền sẽ được đẩy mạnh hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

Kinh phí hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Quảng Bình do ngân sách nhà nước cấp hàng năm và được tổng hợp chung vào dự toán chi thường xuyên của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định hiện hành. Đây là

điều kiện đảm bảo cho cán bộ tham gia công tác phụ nữ và bình đẳng giới yên tâm thực hiện làm nhiệm vụ được giao, nâng cao tính trách nhiệm của từng cá nhân, giúp họ chủ động, sáng tạo trong công tác.

2.2. Thực trạng xây dựng quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

2.2.1 Hoạt động xây dựng, ban hành văn bản thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị của tỉnh Quảng Bình

Nhiều năm qua, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình là vấn đề thực sự được quan tâm. Nhận thức được tầm quan trọng kết hợp với sự quyết tâm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, cấp ủy Đảng, chính quyền đã tổ chức triển khai sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, đồng thời cụ thể hóa các nội dung của pháp luật bằng việc xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại Tỉnh Quảng Bình nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ có cơ hội phát huy tài năng của mình, tham gia giữ vị trí chủ chốt các cơ quan Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội,... Tổ chức lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được triển khai sâu rộng và đem lại hiệu quả nhất định. Những đảm bảo về mặt pháp lý như vậy tạo điều kiện cho phụ nữ tỉnh Quảng Bình tham gia vào công tác xã hội, công tác quản lý, công tác lãnh đạo, quản lý hành chính nhà nước.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình bao gồm Tỉnh ủy Quảng Bình, UBND Tỉnh, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ Tỉnh, Hội LHPN Tỉnh. Ở huyện, thành phố có các bộ phận chuyên môn tham mưu xây dựng văn bản về công tác phụ nữ, thực hiện công tác chỉ đạo đến từng địa phương xây dựng ban hành văn bản tại địa phương.

Mặt khác, việc xây dựng các văn bản thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh được đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ trong cơ cấu theo quy

định tại Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị với mục tiêu “ *Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đạt từ 35% đến 40%*”.

2.2.2 Kết quả đạt được và nguyên nhân

2.2.2.1 Kết quả đạt được

Sau khi Luật Bình đẳng giới 2006 được Quốc hội khóa XI thông qua, Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, dưới sự lãnh chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Cụ thể:

- Chương trình hành động số 14-CTr/TU, ngày 3/10/2007 của BTV Tỉnh ủy Quảng Bình về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước;

- Quyết định số 1841/QĐ-UBND, ngày 2/8/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 15/9/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Theo đó, hàng năm Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh đã ban hành kế hoạch về triển khai pháp luật bình đẳng giới.

Căn cứ các chương trình, kế hoạch của trung ương, của tỉnh về công tác phụ nữ, Hội LHPN tỉnh đã xây dựng và ban hành nhiều văn bản hướng dẫn chỉ đạo các cấp hội triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Cụ thể, như:

- Chương trình hành động số 51-CT/PN, ngày 10/9/2007 và Kế hoạch số 52/KH-PN của Hội LHPN tỉnh thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước;

- Kế hoạch số 16/KH-PN, ngày 25/10/2007 của Hội LHPN tỉnh Quảng Bình về triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước;

- Chương trình hành động số 05/CTHĐ-PN về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước;

- Chương trình hành động số 04/CTHĐ-BTV, ngày 10/3/2012 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 11;

- Kế hoạch số 15/KH-BTV, ngày 28/4/2014 của BTV Hội LHPN tỉnh Quảng Bình về việc Thực hiện Nghị quyết hội nghị BCH TW Hội LHPN Việt Nam lần thứ 4 về nhiệm vụ “ Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới”;

- Kế hoạch số 14/KH-BTV, ngày 20/4/2014 của BTV Hội LHPN tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết hội nghị BCH TW Hội LHPN Việt Nam lần thứ 4 về nhiệm vụ “Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới”;

- Kế hoạch số 01/KH-BTV, ngày 16/1/2015 của BTV Hội LHPN tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/ĐĐ, ngày 10/11/2014 của Đảng đoàn Hội LHPN;

Cùng với việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng, các cấp ủy đảng, chính quyền, chuyên môn ở tỉnh Quảng Bình đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện Kết luận số 55-KL/TW ngày 18/01/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”... Từ năm 2007 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 5 văn bản về tăng cường

sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ và Đại hội Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp.

Định kỳ hàng năm, Thường trực Tỉnh ủy, các huyện, thành, thị ủy làm việc với Ban thường vụ các cấp Hội phụ nữ; hàng quý tổ chức giao ban với Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội để nắm tình hình, kịp thời chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác phụ nữ và hoạt động hội. Các cấp ủy Đảng luôn quan tâm định hướng cho các cấp hội thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ; chăm lo tạo mọi điều kiện đến công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ nữ, do đó thời gian qua, nhiều cán bộ hội phụ nữ được tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác phụ nữ được chú trọng, các cấp ủy đảng đã tổ chức sơ kết 5 năm, tổng kết 10 năm thực hiện Luật bình đẳng giới; phối hợp, lồng ghép kiểm tra, giám sát đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch chuyên đề về công tác phụ nữ của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị-xã hội. Trong 10 năm, đã tổ chức được 99 cuộc kiểm tra, giám sát. Qua kiểm tra giám sát đã phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, quy hoạch, tạo nguồn, bố trí sử dụng cán bộ nữ. Từ đó, kịp thời đề ra những giải pháp khắc phục, giúp Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên nhận thức sâu sắc hơn công tác phụ nữ trong tình hình mới để có các giải pháp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.

2.2.2.2 Nguyên nhân

Thứ nhất, nhận thức về tầm quan trọng về vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Quảng Bình ngày càng được nâng cao, coi bình đẳng giới trong chính trị là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào công tác quản lý, điều hành trong các cơ quan Đảng, chính quyền địa phương.

Thứ hai, năng lực cán bộ tham mưu xây dựng văn bản thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ngày càng cao. Có sự am hiểu, kiến thức về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, về công tác phụ nữ, vị trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội.

2.2.3 Hạn chế và nguyên nhân

2.2.3.1 Hạn chế

Thứ nhất, việc ban hành văn bản, thể chế hóa quy định pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị còn chậm, chưa đáp ứng được kịp thời các yêu cầu đặt ra, nội dung còn sơ sài.

Thứ hai, việc triển khai lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác cán bộ nữ triển khai chưa đem lại hiệu quả cao, còn mang tính chất hình thức.

Thứ ba, việc ban hành các văn bản liên quan đến lĩnh vực chính trị không bị ràng buộc bởi các điều khoản chế tài, không đặt ra biện pháp nếu như không thực hiện và thực hiện không đúng thì sẽ phải chịu hậu quả ra sao. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện trên thực tế còn hạn chế, người dân còn có ý thức coi thường, coi việc thực hiện bình đẳng giới là công việc của nhà nước, nhà nước phải là người thực hiện.

2.2.3.2 Nguyên nhân

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ tham gia công tác bình đẳng giới còn ít, lại thường xuyên thay đổi, phần đa cán bộ tham gia công tác bình đẳng giới là kiêm nhiệm, không có thời gian để tập trung nghiên cứu sâu về vấn đề bình đẳng giới, dẫn đến việc tham mưu còn chậm, chưa nắm bắt kịp thời yêu cầu của xã hội đối với công tác phụ nữ.

Thứ hai, vấn đề lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị mặc dù đã được triển khai từ rất lâu tuy nhiên thì thực tế lại chưa được thực hiện một cách cụ thể, theo đúng quy trình, yêu cầu đặt ra. Một số nội dung lồng ghép chỉ mang tính hợp thức hóa chứ không được triển khai thực hiện sâu rộng trên thực tế, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho

từng đối tượng, làm lu mờ đi tính chất quan trọng của bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Thứ ba, việc ban hành văn bản chưa đưa ra được các chế tài liên quan, điều này làm giảm yếu tố bắt buộc, tính chất mệnh lệnh Nhà nước đối với các quy định của pháp luật đối với các đối tượng có liên quan, hiệu lực thực thi văn bản pháp luật trên thực tế không có hiệu quả.

2.2.4 Bài học kinh nghiệm

Một là, thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật bình đẳng giới, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công tác phụ nữ thành cơ chế, chính sách cụ thể, sát thực, phù hợp. Đây là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của phụ nữ và phong trào phụ nữ trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, đẩy mạnh trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thực hiện hiệu quả việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới liên quan đến công tác cán bộ nữ là yếu tố và giải pháp then chốt. Đặc biệt, cần tăng cường việc giám sát và thực thi các quy định này trong thực tiễn; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp vừa có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, vừa tâm huyết với công tác bình đẳng giới.

Ba là, các cấp Hội phải chủ động, thường xuyên làm tốt vai trò tham mưu, đề xuất với các cấp ủy Đảng, Chính quyền về công tác phụ nữ trong giai đoạn mới; biết khơi dậy và phát huy tiềm năng của phụ nữ. Vận động phụ nữ tích cực tự học, tự rèn luyện để nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng, xóa bỏ mặc cảm tự ty để vươn lên trong cuộc sống.

2.3. Kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

2.3.1. Kết quả

2.3.1.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới (2006) và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X về công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhận thức về quan điểm, mục tiêu và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về công tác phụ nữ của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã, các sở, ban, ngành đã chuyển từ phụ thuộc đề xuất của Hội LHPN sang chủ động ban hành các kế hoạch, đề án cụ thể phù hợp với công tác phụ nữ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp Hội phụ nữ tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ nữ tham gia HĐND các cấp, các Ban chỉ đạo, các Ban đại diện, Hội thẩm nhân dân để phụ nữ phát huy trí tuệ, khả năng, cống hiến và khẳng định vị trí của mình trong xã hội. Đây được xác định là một yêu cầu quan trọng giúp cho việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, là điều kiện để phát huy vai trò, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ.

Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã xây dựng chương trình phối hợp với Hội LHPN tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ và bình đẳng giới như: Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật hôn nhân và gia đình... bằng nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân. Phối hợp xây dựng và triển khai, nhân rộng các mô hình làm kinh tế giỏi, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tạo điều kiện cho phụ nữ được tham gia các hoạt động văn hóa tinh thần.

Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội và sở, ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở cũng tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho phụ nữ tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào chương trình, mục tiêu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng -

an ninh và những vấn đề liên quan đến hoạt động của phụ nữ ở địa phương, đơn vị, nhất là các chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới...

Đặc biệt, chính quyền các cấp cũng tạo điều kiện để Hội LHPN tỉnh phối hợp tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định về trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND, cơ quan hành chính Nhà nước trong việc đảm bảo cho các cấp Hội Phụ nữ tham gia quản lý Nhà nước. Theo đó, các cấp Hội phụ nữ đã tổ chức được 875 cuộc giám sát về công tác phụ nữ trên địa bàn; chính sách hỗ trợ dạy nghề cho lao động ở nông thôn, vay vốn ưu đãi đối với học sinh, sinh viên; chính sách nghỉ thai, sản; việc thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững tại huyện Minh Hóa; hỗ trợ kinh phí cho Chi hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội... Ngoài ra, Hội LHPN tỉnh đã phối hợp với Ban Chính sách pháp luật HĐND tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Cục thuế tỉnh, chính quyền và các ban, ngành chức năng tổ chức 52 cuộc đối thoại trực tiếp giữa Đảng, chính quyền, ban, ngành với cán bộ, hội viên phụ nữ tại một số xã thuộc các huyện Lệ Thủy, Quảng Trạch, Quảng Ninh, Tuyên Hóa, thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn thu hút hơn 3.862 hội viên tham gia.

Bên cạnh đó, các cấp Hội LHPN trong tỉnh đã chủ động phối hợp với Sở, ban, ngành tổ chức nhiều hoạt động để tuyên truyền cho cán bộ, hội viên. Trong 10 năm (2007 – 2017), các cấp Hội đã tổ chức được 804 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác tuyên truyền cho 456.218 lượt cán bộ phụ nữ, thu hút trên 85% cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia; phối hợp với Sở Nội vụ và Tổ chức Phát triển Hà Lan triển khai 12 lớp tập huấn về kỹ năng lãnh đạo, về giới cho 309 người; phối hợp với Dự án Flow/Eowe tổ chức 04 cuộc hội thảo và tập huấn về giới cho lãnh đạo địa phương; xây dựng 447 phóng sự, 2.471 tin bài phản ánh hoạt động của các cấp Hội, phong trào phụ nữ và gương phụ nữ điển hình trên các lĩnh vực. Hội LHPN tỉnh cũng đã cấp phát 30.129 cuốn Thông tin Phụ nữ do Trung ương Hội biên soạn, phát hành

41.210 cuốn Thông tin Bình đẳng giới của Hội đến các Chi, Tổ hội Phụ nữ. Qua đó đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác phụ nữ và việc thực hiện bình đẳng giới trong cán bộ, hội viên phụ nữ, các tầng lớp Nhân dân; khắc phục tư tưởng tự ti, an phận, giúp phụ nữ tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên, góp phần nâng cao giá trị, phẩm chất của người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đó là “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”.

Bảng 2.1. Công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ nữ tỉnh Quảng Bình

STT	Đối tượng	Cấp tỉnh (lượt người)	Cấp huyện (lượt người)
01	Cán bộ, đảng viên được tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới	269.448	216.818
02	Cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, sở, ban ngành, đoàn thể được tiếp cận về kiến thức, chương trình về bình đẳng giới	2.903	9.809
03	Thành viên ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng soạn thảo văn bản QPPL được tập huấn kiến thức về giới	2.024	2.037

Nguồn: Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Bình.

2.3.1.2. Công tác giám sát thực hiện luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ

Để triển khai thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới và Nghị quyết số 11-NQ/TW; Kết luận số 55-KL/TW gắn với Nghị quyết số 13-NQ/TU, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội cùng các ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho phụ nữ tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào các chương trình, mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, quốc phòng, an ninh, cùng những vấn đề liên quan đến phụ nữ ở địa phương, đơn vị. Nhất là các chương trình giảm nghèo,

giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới...

Chính quyền các cấp đã tạo điều kiện để Hội LHPN tỉnh phối hợp tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định 19/2003/NĐ-CP ngày 07/3/2003 của Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính Nhà nước trong việc đảm bảo cho các cấp Hội phụ nữ tham gia quản lý nhà nước; Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND, bảo đảm cho các cấp Hội Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW về ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền... Trong 10 năm, các cấp Hội phụ nữ đã tổ chức 875 cuộc giám sát về Nghị quyết 11-NQ/TW; giám sát chính sách hỗ trợ dạy nghề cho lao động ở nông thôn, chính sách vay vốn ưu đãi đối với học sinh, sinh viên; chính sách nghỉ thai sản; giám sát việc thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững tại huyện Minh Hóa; giám sát việc thực hiện Điều 157 về chính sách thai sản của Bộ Luật Lao động; giám sát việc thực hiện Thông tư 49/TT-BTC về hỗ trợ kinh phí cho chi hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; giám sát việc thực hiện Nghị định 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội... Ngoài ra, các cấp Hội Phụ nữ còn phối hợp với Ban Chính sách pháp luật, Ban tổ chức Trung ương Hội LHPN Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục thuế tỉnh, chính quyền và các ban ngành chức năng tổ chức 52 cuộc đối thoại trực tiếp giữa Đảng, chính quyền và các ban, ngành với cán bộ, hội viên phụ nữ tại một số xã thuộc các huyện Lệ Thủy, Quảng Trạch, Quảng Ninh, Tuyên Hóa, thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn thu hút hơn 3.862 hội viên.

Các cấp chính quyền đã tạo điều kiện về kinh phí, phương tiện làm việc, nhất là tham gia góp ý vào các văn bản có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách của phụ nữ: dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Luật lao động, Luật đất đai,

Luật Nuôi con nuôi... Thông qua các hội nghị, các buổi giao ban, làm việc, đối thoại, các cấp chính quyền đã quan tâm, lắng nghe, tạo điều kiện để Hội phụ nữ đề xuất các chính sách liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ. Các hội nghị, các cuộc họp của các cấp chính quyền ở cơ sở đều mời đại diện Hội Phụ nữ tham gia ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em như: Hương ước, quy ước, xây dựng quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện các văn bản liên tịch giữa Hội Phụ nữ với Công an, Bộ đội Biên phòng. Từ tỉnh đến cơ sở đều có đại diện của Hội Phụ nữ tham gia thành viên trong các tổ chức tư vấn cho cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp như: Hội đồng thuế, đất đai, hội đồng thi đua, hội đồng nghĩa vụ quân sự...

2.3.1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ, cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Công tác quy hoạch cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể quan tâm. Số lượng cán bộ nữ đưa vào quy hoạch ngày càng tăng, có trình độ đồng đều và ngày càng được trẻ hóa.

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, cán bộ nữ được đưa vào quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh 18 đồng chí, chiếm 16,98% (tăng 12,5%); Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 01 đồng chí, chiếm 3,7% (giảm 33,33%). Nhiệm kỳ 2015-2020, quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh có 20 đồng chí, chiếm 18,86% (tăng 14,44%); quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 02 đồng chí, chiếm 7,69% (tăng 2 lần).

Bảng 2.2. Tỷ lệ nữ tham gia Cấp ủy Đảng các cấp

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số cấp ủy viên	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số cấp ủy viên	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số cấp ủy viên	Tỷ lệ (%)
2005 – 2010	02/49	4,1%	37/272	13,9%	219/1.929	11,4%
2011 – 2015	03/55	5,5%	41/295	13,9%	291/1.772	16,4%
2015 – 2020	04/52	7,7%	60/436	13,76%	378/4.198	17,58%

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình.

Quy hoạch nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các sở ban, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh trong nhiệm kỳ 2010-2015 có 43 đồng chí, chiếm 12,68% (tăng 4,87%); quy hoạch nhiệm kỳ 2015-2020 có 84 đồng chí, chiếm 17% (tăng 4,32%)

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ nữ đã có nhiều chuyển biến tiến bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ nữ nói riêng được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Các huyện, thành phố, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng; liên kết với một số trường đại học, trung cấp để đào tạo trình độ chuyên môn, trong đó ưu tiên trong việc cử cán bộ nữ tham gia học tập. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các lớp dành riêng cho cán bộ nữ. Vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ nữ ở cả 3 cấp được nâng lên. Phần lớn cán bộ nữ chủ chốt đương chức và trong quy hoạch của các ban, ngành cấp huyện, cấp tỉnh đã và đang được tập trung đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa các mặt. Nhiều cán bộ nữ được cử đi đào tạo đại học, trên đại học. Đội ngũ cán bộ nữ ngày càng được trẻ hóa, có năng lực hoạt động thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tính đến 31/10/2017, tổng số nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh có 14.137/27.002 người, chiếm 52,4%; trong đó, dân tộc thiểu số có 112 người, chiếm 0,79%. Tính đến ngày 01/12/2017, cán bộ nữ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có 40/402 người, chiếm 9,95%. Về trình độ đại chuyên môn, 40 chị đều có trình độ đại học, trong đó có 10 chị có trình độ thạc sỹ, chiếm tỷ lệ 25%; tiến sỹ 02 chị, chiếm 5%; 100% chị có trình độ cử nhân và cao cấp lý luận chính trị.

Công tác luân chuyển, bố trí và sử dụng cán bộ nữ được cấp ủy, chính quyền các cấp từng bước quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Từ năm 2010 đến nay, có 06 cán bộ nữ luân chuyển từ huyện về cơ sở. Hầu hết cán bộ nữ qua luân chuyển đã trưởng thành về nhiều mặt, đúc rút được kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và đã được xem xét bổ nhiệm, giới thiệu bầu giữ chức vụ cao hơn. Ngoài ra, nội bộ từng

cơ quan, đơn vị đã chú ý điều chuyển cán bộ nữ qua nhiều vị trí, chức vụ để rèn luyện toàn diện, tạo điều kiện cho chị em phát huy năng lực, sở trường, trưởng thành, bổ sung vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

Các cấp ủy đảng đã mạnh dạn bố trí cán bộ nữ trẻ, có trình độ, năng lực vào các cương vị lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, các ngành. Cụ thể, đối với cấp tỉnh hiện có 40/402 đồng chí cán bộ nữ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (chiếm 9,95%), trong đó có 01 đồng chí giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, 05 đồng chí giữ chức vụ giám đốc sở, ngành và tương đương, 21 đồng chí giữ chức vụ phó giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể và tương đương, 13 đồng chí giữ chức trưởng các ban Đảng và phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, UBND cấp huyện.

Bảng 2.3. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong HĐND, UBND các cấp

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)
2005 – 2010	01	25%	03/31	9,7%	10/370	2,7%
2011 – 2015	01	25%	03/32	9,37%	24/390	6,2%
2016 – 2021	01	25%	04/32	12,5%	21/387	5,4%

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Bảng 2.4. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước các cấp

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)
2006 – 2010	04/105	3,8%	29/100	29%	15/1.749	0,9%
2011 – 2015	07/105	6,5%	38/100	35%	38/1.749	2,2%

2016 – 2021	10/108	9,3%	40/100	4%	45/1.749	2,6%
-------------	--------	------	--------	----	----------	------

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Bảng 2.5. Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số lãnh đạo chủ chốt	Tỷ lệ (%)
2006 – 2010	01/87	1,15%	30/109	27,5%	206/763	27%
2011 – 2015	01/87	1,15%	32/109	29,4%	229/795	28,8%
2016 – 2021	01/87	1,15%	40/109	36,7%	235/795	29,6%

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Bảng 2.6. Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước tổ chức chính trị - xã hội có từ 30 % nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ/ tổng số

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số cán bộ chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số cán bộ chủ chốt	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số cán bộ chủ chốt	Tỷ lệ (%)
2006 – 2010	02/20	10%	27/100	27%	0	0
2011 – 2015	05/22	22,7%	32/100	32%	0	0
2016 – 2021	05/23	21,8%	38/100	38%	0	0

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Trong nhiệm kỳ 2015-2020, cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành Tỉnh ủy có 04/52 chi, đạt tỷ lệ 7,7%; trong đó, tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 01/15 chi, đạt tỷ lệ 6,67%. Cán bộ nữ tham gia cấp ủy cấp huyện có 60/436 chi, đạt tỷ lệ 13,76%, trong đó tham gia Ban thường vụ cấp ủy cấp huyện có 10 chi; cán bộ dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy cấp huyện có 02 chi. Cán bộ nữ tham gia cấp ủy cơ sở có 738/4198 chi, đạt tỷ lệ 17,58%, trong đó tham gia Ban thường vụ cấp ủy cơ sở có

80 chị; bí thư 28 chị, phó bí thư 65 chị; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra 36 chị; cán bộ dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy cơ sở có 90 chị, tham gia Ban thường vụ cấp ủy cơ sở có 20 chị, bí thư 08 chị, phó bí thư 11 chị, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra 04 chị.

Cán bộ nữ là đại biểu Quốc hội khóa XIV, nhiệm kỳ 2016-2021 có 01/06 đại biểu, chiếm tỷ lệ 16,67%; nữ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 07/50 đại biểu, chiếm tỷ lệ 14%.

Bảng 2.7. Tỷ lệ nữ là Đại biểu Quốc hội

Khóa	Số người	Tỷ lệ
Khóa XII	01	16,7%
Khóa XIII	01	16,7%
Khóa XIV	01	16,7%

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Bảng 2.8. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp

Nhiệm kỳ	Tỉnh		Huyện		Xã	
	Tổng số nữ/ tổng số đại biểu HĐND	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số đại biểu HĐND	Tỷ lệ (%)	Tổng số nữ/ tổng số đại biểu HĐND	Tỷ lệ (%)
2006 – 2011	07/50	14%	62/246	25,2%	729/3.831	19,%
2011 – 2016	10/50	20%	61/248	24,6%	743/3.794	19,6%
2016 – 2021	7/50	14%	68/257	25,5%	948/3.828	24,1%

Nguồn: Tỉnh ủy Quảng Bình

Trong bối cảnh hiện nay, việc phụ nữ Quảng Bình đã tham gia tích cực vào lãnh đạo, quản lý và bước đầu được ghi nhận và đánh giá cao. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể, các ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở đã quan tâm chỉ đạo các nhiệm vụ về công tác phụ nữ; quán triệt nghiêm túc việc thực hiện Luật bình đẳng giới gắn với Nghị quyết số 11/NQ-TW, Kết luận số 55-KL/TW và Nghị quyết số 13-NQ/TU đã tạo bước chuyển biến căn bản về nhận thức đối với phụ nữ và công tác phụ nữ; thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát của đảng, chính quyền đối với thực hiện Luật bình đẳng giới và Nghị quyết của các cấp ủy đảng về công tác phụ nữ; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế, tìm ra những giải pháp có tính đột phá để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ về công tác phụ nữ trên địa bàn. Nhận thức của bản thân phụ nữ về vai trò, vị trí trong gia đình và xã hội đã có nhiều tiến bộ, nhất là nữ cán bộ, công chức, viên chức, nữ doanh nhân, nữ trí thức, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ.

2.3.2 Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Thứ nhất, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể, các ban, ngành đã quan tâm chỉ đạo các nhiệm vụ về công tác phụ nữ; quán triệt nghiêm túc việc thực hiện Luật bình đẳng giới gắn với Nghị quyết số 11/NQ-TW, Kết luận số 55-KL/TW và Nghị quyết số 13-NQ/TU đã tạo bước chuyển biến căn bản về nhận thức đối với phụ nữ và công tác phụ nữ.

Thứ hai, cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể, các ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm đến công tác phụ nữ và bình đẳng giới, kịp thời triển khai các hoạt động hỗ trợ Hội phụ nữ các cấp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Hội thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát của đảng, chính quyền đối với thực hiện Luật bình đẳng giới và Nghị quyết của các cấp ủy đảng về công tác phụ nữ; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế, tìm ra những giải pháp có tính đột phá để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ về công tác phụ nữ trên địa bàn.

2.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.4.1. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở Quảng Bình

Thứ nhất, so với tiềm năng và nguồn lực nữ cán bộ trong hệ thống chính trị thì tỷ lệ cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ ở Quảng Bình còn thấp so với đội ngũ lao động nữ và so với yêu cầu. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp còn quá thấp so với chỉ tiêu đề ra; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có xu hướng tăng nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2020 (phần đầu đạt từ 35% trở lên). Tỷ lệ nam và nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý vẫn còn mất cân đối. Trong nhiều năm nay, ở Quảng Bình, chưa có sự tham gia của phụ nữ vào các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tỉnh; trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy hiện nay chỉ có 1/15 đồng chí là nữ. Đặc biệt, tỷ lệ cán bộ lãnh đạo nữ ở các cơ quan cấp tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh còn rất thấp chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Toàn tỉnh, hiện chỉ có 01 nữ giữ chức vụ Giám đốc Sở (Sở tư pháp); 04 nữ giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở (Sở tư pháp, Sở giáo dục, Sở

ngoại vụ, Sở tài chính). Đối với các đoàn thể cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình nhiều nhiệm kỳ qua không có cán bộ chủ chốt là nữ (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch). Nhất là đối với Liên đoàn Lao động Quảng Bình, hiện quản lý trên 55 ngàn đoàn viên lao động, trong đó có trên 30 ngàn lao động nữ (chiếm tỷ lệ 54% tổng số đoàn viên, lao động), mặc dù trong công tác tuyên truyền luôn đưa ra nội dung quan tâm đến công tác nữ, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Trong công tác quy hoạch chức danh chủ tịch, phó chủ tịch LĐLĐ tỉnh có đưa vào một số nữ lãnh đạo, song đến công tác nhân sự Đại hội thì tỷ lệ nữ tham gia cơ quan Thường trực hầu như không được đề cập đến. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của lao động nữ, bởi lẽ trong các cuộc họp, giao ban, trong phối hợp liên ngành tiếng nói của nữ công nhân viên chức lao động không có nên nhiều chế độ chính sách liên quan đến lao động nữ chưa được thực hiện hoặc thực hiện không thỏa đáng (như chế độ thai sản, chế độ nghỉ ngơi, bảo hộ lao động ...). Một số cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố như: Đồng Hới, Bố Trạch, Ba Đồn, Quảng Trạch... chưa có nữ tham gia Thường trực huyện ủy (bí thư, phó Bí thư); Thường trực UBND huyện (Chủ tịch, Phó chủ tịch).

Thứ hai, việc quán triệt, tổ chức triển khai công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị chưa nhận được sự quan tâm sâu sát, đầy đủ của nhiều cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới còn nhiều hạn chế. Công tác thống kê về bình đẳng giới đã được quan tâm thực hiện nhưng còn gặp nhiều khó khăn; Kinh phí đầu tư cho công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị vẫn còn thấp, không đáp ứng được yêu cầu việc thực hiện công tác này trên phạm vi toàn tỉnh; Đội ngũ cán bộ chuyên trách về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị còn hạn chế về lượng và chất, đa phần làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, vì vậy ảnh hưởng lớn đến thời gian công tác, sự tập trung về chuyên môn cũng như tâm huyết đối với công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Mặt khác, lực lượng này chưa được đào tạo một cách chuyên sâu về công tác bình đẳng giới, cho nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng, khó khăn trong việc áp dụng vào thực tế, ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động.

2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị về bình đẳng giới, về vai trò, năng lực của phụ nữ còn hạn chế. Lãnh đạo của một số cơ quan, địa phương, đơn vị chưa thực sự quan tâm công tác cán bộ nữ; thiếu những chính sách, giải pháp cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ đối với phụ nữ và cán bộ nữ, nhất là chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tuyển dụng, bố trí, sử dụng đối với phụ nữ và cán bộ nữ. Do đó, dẫn đến nhiều cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh nhiều nhiệm kỳ liền không có nữ cán bộ chủ chốt (Mặt trận TQVN tỉnh, LĐLĐ tỉnh...). Đội ngũ làm công tác bình đẳng giới còn gặp nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện.

Thứ hai, một bộ phận cán bộ nữ còn biểu hiện tự ti, an phận, ngại va chạm, ngại đổi mới, thiếu ý chí vươn lên dẫn đến đội ngũ cán bộ nữ phát triển chưa vững chắc, thiếu đồng bộ, phân bố không đều tại các địa phương, đơn vị. Việc chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ nữ thiếu liên tục chưa đồng bộ nên lực lượng cán bộ nữ quy hoạch vào các chức danh chủ chốt còn ít.

Thứ ba, sự phối hợp giữa chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức với Hội Liên hiệp Phụ nữ còn thiếu nhịp nhàng. Hội LHPN các cấp chưa chủ động, tích cực trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về giới thiệu nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ Hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát thiếu thường xuyên do đó chưa thấy hết những tồn tại, yếu kém trong quá trình triển khai pháp luật về bình đẳng giới gắn với thực hiện Nghị quyết số 11 để đưa ra những giải pháp khắc phục, từng bước đưa pháp luật về bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng đi vào cuộc sống.

Tiểu kết Chương

Chương 2 của Luận văn tập trung phân tích thực trạng thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại Tỉnh Quảng Bình. Có thể nói, sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới, Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ

Chính trị về công tác phụ nữ, nhận thức về quan điểm, mục tiêu và trách nhiệm đối với công tác phụ nữ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thời gian qua, UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố cùng các sở, ban, ngành, đoàn thể đã chủ động ban hành kế hoạch, đề án phù hợp với công tác phụ nữ; quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ nữ tham gia HĐND các cấp, Ban chỉ đạo, Ban đại diện, Hội thẩm Nhân dân để phụ nữ phát huy trí tuệ, khả năng và khẳng định vị trí của mình trong xã hội.

Tuy nhiên, một số cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ở cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác phụ nữ; việc chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về công tác phụ nữ có nơi chưa sát và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng địa bàn, địa phương, đơn vị, do đó chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nội dung, phương thức hoạt động.

Xuất phát từ thực trạng trên, để tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị cùng toàn xã hội về công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền ở tỉnh Quảng Bình cần có các giải pháp tích cực trong việc lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ làm việc trong các ngành đặc thù, lao động ở doanh nghiệp, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tạo điều kiện cho chị em phụ nữ phát triển và tham gia hoạt động xã hội, tham gia quản lý Nhà nước; nêu cao tinh thần tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên; xây dựng và thực hiện tốt hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TỰ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH

Để đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ nhất là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị thì không chỉ nhất quán về quan điểm, chủ trương, mà cần phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ và khả thi, gắn liền với nâng cao nhận thức, đổi mới nội dung và phương thức phát huy tiềm năng phụ nữ; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng nhân lực nữ theo hướng loại trừ bất bình đẳng giới trong quan hệ gia đình, xã hội, cơ quan, tổ chức và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

3.1 Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng

3.1.1 Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta

Thứ nhất, bảo đảm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là một trong các nguyên tắc cơ bản trong bảo đảm quyền con người. Nam, nữ bình đẳng là một trong những quyền cơ bản của con người. Trong xã hội dân chủ, quyền này luôn được coi trọng. Ở Việt Nam, chủ trương bình đẳng giới được đề ra ngay từ khi Đảng Cộng sản ra đời. Chính sách bình đẳng giới thật sự là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của chính sách phụ vận qua các thời kỳ phát triển của Đảng và Nhà nước ta. Quyền bình đẳng giới đã được Hiến định ngay từ Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta (1946). Vị trí, vai trò của nữ giới được xã hội tôn trọng và pháp luật tạo điều kiện thuận lợi để nữ giới phát triển tài năng và tham gia hoạt động chính trị, hoạt động xã hội.

Thứ hai, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực hiện chính sách pháp luật. Pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của con người, trong đó có quyền bình đẳng của phụ nữ. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới không thể tách ra khỏi việc hoàn thiện hệ thống pháp luật chung. Việc hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đòi hỏi phải chú trọng mối quan hệ giữa nội dung các quy định của pháp luật với cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm

nội dung đó được thực hiện trong thực tế. Nội dung của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị phải được thể chế hóa đầy đủ chủ trương và chính sách của Đảng đối với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội, thể hiện đầy đủ các quyền chính trị của phụ nữ. Cùng với nội dung của pháp luật, cơ chế pháp lý cũng phải bảo đảm chuyển tải những nội dung trên bởi các quy định, thủ tục đơn giản, thuận tiện và thể hiện được nguyên tắc bình đẳng và dân chủ của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Thứ ba, củng cố cơ chế bảo đảm quyền bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Quốc hội cần rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các văn bản pháp luật phù hợp với đặc điểm đặc thù giới của phụ nữ, đặc điểm riêng của từng ngành, nghề theo hướng: Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được. Đồng thời, để các văn bản pháp luật dễ đi vào cuộc sống, Chính phủ và các cơ quan hành chính ở địa phương tăng cường những nghiên cứu liên quan tới bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nhằm cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến bình đẳng giới. Các tổ chức chính trị - xã hội cần mạnh dạn hơn nữa trong quá trình tham gia quản lý nhà nước trong vấn đề bảo đảm quyền bình đẳng giới.

Thứ tư, cần nghiên cứu và xem xét để điều chỉnh phù hợp đối với các quy định liên quan đến tuổi nghỉ hưu, tuổi quy hoạch, tuổi bổ nhiệm đối với cán bộ nữ. Việc phụ nữ nghỉ hưu sớm là rào cản mang tính luật pháp có tác động rất lớn đến con đường phát triển sự nghiệp, sự thăng tiến của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Sự khác biệt về tuổi hưu ảnh hưởng suốt cuộc đời lao động của người phụ nữ, góp phần tạo ra những hình thức phân biệt, đối xử chính thức và không chính thức đối với phụ nữ đến các vị trí cao cấp trong hệ thống chính trị.

3.1.2 Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

Có thể khẳng định rằng, quyền bình đẳng trong đời sống chính trị là quyền quan trọng để xây dựng một xã hội công dân, thể hiện quyền làm chủ của công dân

với nhà nước. Chính vì vậy, nhiều năm qua, cũng như các tỉnh khác trong cả nước, các cấp ủy đảng, chính quyền ở tỉnh Quảng Bình Bình đã luôn chú trọng công tác bình đẳng giới; xem công tác bình đẳng giới là một trong những nội dung quan trọng, then chốt trong hoạt động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành nhằm tạo cơ hội cho phụ nữ Quảng Bình được nói tiếng nói đại diện cho giới mình, được phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách về các lĩnh vực khác nhau của địa phương và của cả nước; giảm khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

Việc đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại Tỉnh Quảng Bình được tập trung vào một số nội dung:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, cơ chế, củng cố bộ máy thực hiện công tác về bình đẳng giới, xây dựng, ban hành văn bản liên quan đến bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý thực hiện pháp luật bình đẳng giới; tăng cường giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao trình độ nhận thức của người dân trong việc nhìn nhận vai trò, vị trí của phụ nữ, sự tham gia của các cấp, ngành, đoàn thể và mỗi cá nhân trong việc nâng cao vị thế, vai trò người phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị.

Thứ hai, tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác phụ nữ, công tác giám sát của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; tập trung rà soát lại toàn bộ các văn bản liên quan đến bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, nhất là trong các văn bản luật; chú trọng mối quan hệ giữa nội dung các quy định của pháp luật với cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm nội dung đó được triển khai thực hiện trong thực tế và kết quả cần phải đạt được.

Thứ ba, tăng cường công tác nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới, thực hiện tốt công tác truyền thông, tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác về bình đẳng giới, tuyên truyền sâu rộng từ tỉnh đến từng địa phương về các chủ trương, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, vai trò, vị trí

của người phụ nữ, qua đó nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ, các tầng lớp nhân dân, chị em hội viên Hội phụ nữ, phấn đấu đến 2020, có trên 75% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, người trong lực lượng vũ trang và sinh viên, học sinh các cấp; và có trên 70% người dân ở các cụm dân cư được truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ hoạch định chính sách các cấp, đội ngũ cộng tác viên về bình đẳng giới được tập huấn cập nhật kiến thức bình đẳng giới; 100% nữ đại biểu dân cử, nữ cán bộ quản lý, nữ lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch (từ cấp phòng trở lên) được trang bị kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

Thứ tư, tăng cường rà soát, sửa đổi, điều chỉnh một số chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 nhằm đảm bảo nguồn cán bộ nữ được quy hoạch, bổ nhiệm, bầu cử đúng tỷ lệ cơ cấu theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế,

3.2 Các nhóm giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

3.2.1 Nhóm giải pháp tổng quát và chiến lược

Mục tiêu đặt ra trong thời gian tới nhằm đảm bảo thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung là: Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức nhằm thúc đẩy toàn xã hội thay đổi hành vi thực hiện bình đẳng giới; giảm khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao, góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Phấn đấu đến năm 2020, có trên 75% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, người trong lực lượng vũ trang và sinh viên, học sinh các cấp; và có trên 70% người dân ở các cụm dân cư được truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ hoạch định chính sách các cấp, đội

ngũ cộng tác viên về bình đẳng giới được tập huấn cập nhật kiến thức bình đẳng giới; 100% nữ đại biểu dân cử, nữ cán bộ quản lý, nữ lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch (từ cấp phòng trở lên) được trang bị kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng quản lý, lãnh đạo; Phân đấu nhiệm kỳ 2020 - 2025, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đạt từ 30% đến 35%; các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên (như Công đoàn Quảng Bình) nhất thiết phải có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 đã đề ra, hướng đến mục tiêu xa hơn giai đoạn 2020 - 2030.

Để tăng tỷ lệ nữ trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật và theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đề ra, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ trong thời kỳ mới cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Hiện nay, không ít tổ chức, cá nhân có những quan điểm sai lệch, lạc hậu về công tác phát triển cán bộ, công chức nữ trong đơn vị, địa phương mình. Những quan điểm đó tồn tại trong thời gian dài đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực thi đường lối, chính sách của Đảng về phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nữ.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy đảng trong thực hiện công tác cán bộ nữ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương do cấp mình quản lý. Cấp ủy các cấp, chính quyền địa phương, các sở, ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cần có những hành động mạnh mẽ, quyết liệt để tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ nữ bảo đảm số lượng, chất lượng; coi đây là một nhiệm vụ chiến lược trong công tác cán bộ của Đảng.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ nữ.

- Về quy hoạch, cấp ủy không phê duyệt quy hoạch đối với các địa phương, đơn vị chưa bảo đảm tỷ lệ nữ và những nơi đưa cán bộ nữ vào quy hoạch hình thức, không có tính khả thi. Việc đánh giá, rà soát quy hoạch hằng năm cần phải chú ý tỷ lệ cán bộ nữ, kịp thời bổ sung cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn vào quy hoạch.

- Quan tâm đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với quy hoạch và bố trí, sử dụng cán bộ nữ sau này.

- Chú trọng công tác luân chuyển cán bộ nữ nhằm tạo điều kiện cho cán bộ nữ có trong quy hoạch, được rèn luyện trong thực tiễn, sát cơ sở, bộc lộ tài năng, khắc phục tình trạng khép kín, tạo sự đồng đều về chất lượng cán bộ từng cấp.

- Quan tâm đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ nữ ứng cử giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị. Để làm được điều này, cần phải có bước chuẩn bị lâu dài từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí sử dụng.

Thứ tư, phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp cần chủ động, tích cực tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ nữ, xây dựng mạng lưới cán bộ nữ từ Tỉnh đến các địa phương. Chủ động phối hợp với các cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước xây dựng Đề án đào tạo dành riêng cho cán bộ nữ. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp cần nghiên cứu, đề xuất về phương hướng, biện pháp để giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến phụ nữ; các vấn đề về công tác cán bộ nữ, phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cán bộ nữ có chất lượng cho Đảng; tham gia có hiệu quả vào công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ nữ ở các cấp.

Thứ năm, phát huy vai trò của chính chị em phụ nữ. Tự bản thân mỗi cá nhân chị em phụ nữ là động lực lớn để tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ nữ cho Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội. Bản thân mỗi phụ nữ cần thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, nghiên cứu chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để bổ sung vào công tác cán bộ nữ cho cấp ủy các cấp. Mạnh dạn ứng cử, đề cử theo luật định để đội ngũ cán bộ nữ luôn được tạo nguồn và bảo đảm tỷ lệ nhất định trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương. Đó là chìa khóa để tăng tỷ lệ nữ trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý theo đúng chủ trương của Đại hội XII của Đảng.

3.2.2 Nhóm giải pháp cụ thể đối với các cơ quan Trung ương

3.2.2.1 Đối với Ban Chấp hành trung ương Đảng

Thứ nhất, cần quan tâm việc ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng trong đó đặc biệt chú trọng đến nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với lực lượng phụ nữ trong xã hội, có phẩm chất, trình độ và năng lực tham gia mọi lĩnh vực trong đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị.

Thứ hai, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác cán bộ nữ, đặc biệt trong kiểm tra, giám sát thực hiện các chủ trương về công tác cán bộ nữ, chỉ đạo đưa việc thực hiện chủ trương chính sách về công tác cán bộ nữ trở thành một tiêu chí đánh giá tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh từ trung ương cho đến địa phương.

3.2.2.2 Đối với Quốc hội

Thực hiện tốt chức năng thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; Giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới: Quốc Hội, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội có trách nhiệm thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi được xem xét, thông qua.

3.2.2.3 Đối với Chính phủ

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, mở rộng giáo dục pháp luật, các quy định của pháp luật về bảo đảm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ; đặc biệt điều chỉnh một số điều của Luật Bình đẳng giới, Bộ Luật Lao động...; Tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 24/4/2007 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu đưa các chỉ tiêu có phân tích tách biệt giới vào hệ thống báo cáo thống kê quốc gia hàng năm để có cơ sở lập kế hoạch, hoạch định, triển khai, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; Nghiên cứu ban hành chính sách ưu tiên cho cán bộ nữ/miền núi trong công tác tuyển dụng, đào tạo.

Thứ hai, cần thực hiện tốt công tác rà soát, sửa đổi, điều chỉnh một số chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới cho giai đoạn 2015 – 2020 và Bộ chỉ

tiêu thống kê phát triển giới quốc gia phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển trong nước, quốc tế, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Thứ ba, trong thực hiện trao quyền cho phụ nữ cần chú ý đến việc phát triển kinh tế cần gắn với tiến bộ xã hội, xóa đói, giảm nghèo cho phụ nữ. Xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ. Đồng thời, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật liên quan đến quyền của phụ nữ. Hình thành bộ máy quản lý nhà nước có hiệu quả và triển khai lồng ghép vấn đề về quyền cho phụ nữ vào các chương trình, sáng kiến ở các cấp chính quyền địa phương, các ban, ngành trong toàn hệ thống chính trị.

Thứ tư, bố trí kinh phí hợp lý cho các địa phương để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của các Chương trình, Đề án, Dự án đã được phê duyệt để địa phương chủ động trong việc thực hiện công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

3.2.2.4 Đối với Bộ Lao động – Thương binh và xã hội

Thứ nhất, tiếp tục rà soát các chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, tham mưu xây dựng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu, biện pháp đó.

Thứ hai, tham gia đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; Hướng dẫn hoạt động bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tổ chức hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

Thứ ba, chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động về bình đẳng giới; Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

3.2.2.5 Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Thứ nhất, rà soát văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Nghiên cứu, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Thứ hai, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đánh giá theo định kỳ và thực trạng bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

3.2.2.7 Đối với các đoàn thể chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có vai trò bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức của mình và tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị với cái nhiệm vụ cụ thể là: Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật; Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức; Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong công tác quy hoạch cán bộ nữ tham gia vào cấp ủy Đảng, chính quyền; Tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện bình đẳng giới.

3.2.2.8 Đối với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; tích cực phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thực hiện tốt chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ và trẻ em gái theo quy định của pháp luật; thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

3.2.2.9 Đối với Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ Trung ương

Thứ nhất, cần nghiên cứu, đề xuất về phương hướng, biện pháp để giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến phụ nữ; các vấn đề về công tác cán bộ nữ, phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cán bộ nữ có chất lượng cho Đảng, tham gia có hiệu quả vào công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ nữ.

Thứ hai, thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ cho các ngành, đơn vị, địa phương chủ động trong việc triển khai và tổ chức thực hiện trên thực tế đem lại chất lượng và hiệu quả cao.

Thứ ba, tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phụ nữ và kế hoạch hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các địa phương.

3.2.3 Nhóm giải pháp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

Để công tác lãnh chỉ đạo thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình hiện nay đạt hiệu quả cao cần tập trung thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền địa phương cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đối với công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chuẩn hóa và đưa các mục tiêu bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội hằng năm ở từng địa phương, ngành, đơn vị. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động, trong lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân. Thực hiện đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực từ Nhà nước và cộng đồng xã hội để thực hiện kế hoạch bố trí ngân sách cho việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Tăng cường, thường xuyên kiểm tra, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành, liên ngành trong các hoạt động bình đẳng giới. Định kỳ tổ chức giao ban để nghe và cho ý kiến chỉ đạo, định hướng nâng cao chất lượng,

hiệu quả hoạt động của các cấp Hội phụ nữ và của các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội nông dân) trong việc triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, nhất là việc quy hoạch, bổ nhiệm những nữ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực về cả phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn vào các cơ quan của Đảng, chính quyền các cấp. Đưa việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bình đẳng giới thành một tiêu chí trong đánh giá tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh hàng năm.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ; bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định về bình đẳng giới. Chủ động chuẩn bị nhân sự tạo nguồn để quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng; bảo đảm sự kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý theo quan điểm, mục tiêu đã đề ra. Trước mắt, tập trung triển khai đồng bộ việc rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch cán bộ các cơ quan đảng, chính quyền nhiệm kỳ 2020-2025 ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra. Đặc biệt, cần phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu khi các chỉ tiêu về bình đẳng giới tại các cơ quan, đơn vị và địa phương không đạt được.

Thứ ba, đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của cơ chế phối hợp liên ngành; cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của các Chương trình, Đề án, Dự án đã được phê duyệt; Nghiên cứu, phát triển các mô hình tư vấn, hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới, tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Thứ tư, nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là

đội ngũ nữ cán bộ tiềm năng và cán bộ làm tham mưu công tác bình đẳng giới; Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ và tổ chức công đoàn các cấp trong việc bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ nói chung và nữ công nhân viên chức, lao động nói riêng.

Thứ năm, giáo dục, đào tạo cán bộ nữ là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng đối với công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ của các cấp, các ngành. Trong đó, bồi dưỡng kiến thức, hoàn thiện chức danh, học hàm, học vị cho đội ngũ trí thức nữ là một trong những vấn đề trung tâm.

Chủ động phát hiện cán bộ nữ có năng lực, có tinh thần trách nhiệm với công việc để cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với nhu cầu công việc.

Thứ sáu, đối với bản thân cán bộ, công chức nữ cũng phải tự kiểm điểm lại việc thực hiện nhiệm vụ của mình, cố gắng học tập nâng cao trình độ, nhất là những mặt còn hạn chế để tự khẳng định mình, phải vươn lên để bình đẳng với nam giới về trình độ, về năng lực quản lý kinh tế và quản lý xã hội, chủ động quyết tâm khắc phục khó khăn, phải tự tin, tự lực, tự cường, không nên tự ty, “ngồi chờ Chính phủ chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình” [22, tr.301]

3.2.4 Nhóm giải pháp hoàn thiện các thiết chế, cơ chế, tổ chức, bộ máy thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

Thứ nhất, hoàn thiện các thiết chế, cơ chế, tổ chức thực hiện pháp luật bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Thông qua lồng ghép, mục tiêu của bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị sẽ được thực hiện bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động của văn bản quy phạm pháp luật, trách nhiệm của nguồn lực để giải quyết các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới trong các mối quan hệ xã hội mà pháp luật điều chỉnh. Việc đưa các vấn đề giới vào những nội dung chủ đạo, mang tính chi phối về các tư tưởng, quan niệm, thái độ, mối quan hệ và cách thức tiến hành mọi việc trong xã hội sẽ tác động lớn tới ý thức cũng như ảnh hưởng sâu rộng đến cuộc sống của mỗi người dân trong xã hội.

Thứ hai, kiện toàn bộ máy thực hiện pháp luật bình đẳng giới. Hiện nay, tỉnh Quảng Bình đã có một bộ máy làm công tác phụ nữ và thực hiện pháp luật về bình đẳng giới còn gọi là Ban vì sự tiến bộ phụ nữ từ tỉnh đến địa phương. Bộ máy này

được cơ cấu với các thành viên là lãnh đạo chủ chốt ở tất cả các ngành, đơn vị. Trưởng Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ là đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các phó Trưởng ban là lãnh đạo của các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh. Các thành viên khác là lãnh đạo của các Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch – đầu tư, ... Đây có thể coi là cơ quan đầu mối, cơ sở vững chắc để triển khai chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Ở mỗi huyện, thành phố, đơn vị trên địa bàn tỉnh cũng hình thành một bộ máy như vậy để cùng triển khai thực hiện các chính sách, chiến lược về bình đẳng giới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy thì số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới còn thiếu và thường xuyên thay đổi, tỷ lệ nam tham gia làm công tác bình đẳng giới chiếm phần lớn (trên 70%). Như vậy, với đội ngũ làm công tác bình đẳng giới còn mỏng và yếu thì đây là một khó khăn cho việc triển khai thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Chính vì vậy, cần hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới từ tỉnh cho đến cơ sở.

3.2.5 Nhóm giải pháp tăng cường nhận thức, ý thức pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị và quyền con người cho đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và thực thi pháp luật nói riêng tại tỉnh Quảng Bình

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu công tác phụ nữ trong Nghị quyết 11-NQ/TW, Kết luận số 55-KL/TW gắn với Nghị quyết số 13-NQ/TU, Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong chính trị; xác định công tác vận động phụ nữ là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội.

Thứ hai, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; lên án đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ, đưa nội dung giáo dục về

giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục - đào tạo.

Thứ ba, việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là một công việc lâu dài và cần sự phối hợp đồng bộ của toàn xã hội, trong đó hội LHPN đóng vai trò quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi phụ nữ ý thức và tự phấn đấu vươn lên, tự giải phóng mình, từ đó mỗi người ý thức tốt về vấn đề bình đẳng giới và coi đó là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm quyền lợi của chính mình cũng như lợi ích của từng giới trong việc thực thi quyền con người trong xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp phải thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, hội viên để chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền các giải pháp về công tác phụ nữ, nhất là công tác cán bộ nữ và chính sách nguồn nhân lực nữ, chính sách hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, giảm nghèo...

3.2.6 Nhóm giải pháp tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại tỉnh Quảng Bình

3.2.6.1 Đối với Hội đồng nhân dân

Điều 36 Luật Bình đẳng giới 2006 quy định

“ 1. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

2. Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.”

Căn cứ quy định trên, có thể khẳng định: Giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị là hoạt động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành nhằm đảm bảo cho việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị được thực thi. Chủ thể tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp

luật về bình đẳng giới trong chính trị chính là các cơ quan quyền lực của Nhà nước. Giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới được coi là biện pháp quan trọng hàng đầu, bởi nó có ý nghĩa tiên quyết đến sự thành công của công tác bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nói riêng.

HĐND các cấp, là một trong những chủ thể giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị. Nội dung giám sát của HĐND rất rộng lớn, đa dạng trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó bao gồm cả lĩnh vực thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị. Với vai trò như vậy, tăng cường chức năng giám sát của HĐND là một trong những biện pháp quan trọng, góp phần đưa pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị được bảo đảm trong đời sống xã hội. Việc giám sát của HĐND các cấp cần tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, tập trung công tác giám sát việc tuân thủ pháp luật, giám sát việc ban hành văn bản QPPL và giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND các cấp. Tăng cường các phương thức giám sát như giám sát bằng văn bản, giám sát thông qua các kỳ họp của HĐND, giám sát thực tế.

Thứ hai, tăng cường công tác giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới trong chính trị, bởi đây là nội dung quan trọng hàng đầu, quyết định tới sự thành công của công tác bình đẳng giới trong chính trị. HĐND phải có trách nhiệm giám sát văn bản QPPL của UBND cùng cấp, Nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp nhằm đảm bảo các văn bản pháp luật được ban hành đúng tiến độ, đúng thẩm quyền, không trái với Hiến pháp, các văn bản pháp luật của cấp trên.

Thứ ba, giám sát công tác tuyên truyền, phổ biến Luật bình đẳng giới. Quan tâm giám sát các đối tượng được tuyên truyền, phổ biến pháp luật bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân về hiệu quả của công tác thực hiện; giám sát, kiểm tra việc đảm bảo cho nội dung, hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới để không mang định kiến giới, không tạo ra định kiến giới...; Giám sát việc tổ

chức, bộ máy thực hiện bình đẳng giới, mà ở đây là Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Bình, các huyện, thành phố và địa phương. Việc giám sát cần tập trung vào các nội dung như kiểm tra kiến thức chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới, cơ cấu, tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên môn về bình đẳng giới; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, thông tin được thực hiện tại các cơ quan này ra sao, có đạt hiệu quả hay không, tình hình thực hiện bình đẳng giới các huyện, thành phố ra sao; Giám sát lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách pháp luật, giám sát lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong ngân sách Nhà nước nhằm bảo đảm phân bổ nguồn lực bình đẳng đối với cả nam và nữ trong quá trình tham gia cũng như thụ hưởng thành quả của phát triển. Giám sát tuân thủ pháp luật bình đẳng giới trong chính trị bằng các hình thức như tổ chức đoàn giám sát trực tiếp, tổ chức hội nghị để nghe báo cáo việc thực hiện, thông qua chất vấn của đại biểu HĐND trong các kỳ họp.

3.2.6.2 Đối với Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội

Chức năng giám sát cần thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau:

- Đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp: cần tăng cường công tác giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, đặc biệt thể hiện trong công tác bầu cử. Mặt trận tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử, phối hợp tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa cử tri với những người ứng cử để vận động bầu cử, giám sát tỷ lệ nữ trong cơ cấu.

- Đối với tổ chức công đoàn: tăng cường sự tham gia của nữ CNVCLĐ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị; các cấp Công đoàn cần chủ động tham gia với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác quy hoạch đối với cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ. Chỉ đạo các Ban nữ công Công đoàn các cấp nâng cao trách nhiệm, tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch hành động về BDG, phát triển, quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ nữ của các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát các chế độ chính sách đối với lao động nữ được quy định trong Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; Chủ động

tham gia xây dựng các văn bản của tổ chức Công đoàn trong xây dựng chính sách pháp luật liên quan đến đối tượng lao động nữ. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng viên kiêm chức của các cấp Công đoàn hoạt động về BDG và lồng ghép giới, phụ nữ, gia đình, trẻ em trong thời kỳ CNH – HĐH đất nước; Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” gắn với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” trong nữ CNVCLĐ; Cùng cố, kiện toàn các Ban nữ công Công đoàn các cấp làm tốt vai trò tham mưu cho các cấp Công đoàn, phối kết hợp với Hội LHPN các cấp làm tốt công tác BDG. Kiểm tra theo dõi các chỉ tiêu trong kế hoạch hành động BDG và Chiến lược Quốc gia về BDG giai đoạn 2011 – 2020.

- Đối với Hội LNPN các cấp: cần tăng cường công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội triển khai, quán triệt tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới, nhất là bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Theo dõi việc thực hiện các nội dung liên quan về công tác phụ nữ; tích cực, chủ động tham mưu kịp thời cho cấp ủy đảng, các cơ quan quản lý nhà nước về công tác bình đẳng giới xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện.

Tiểu kết Chương

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tại Quảng Bình trong thời gian vừa qua với các chỉ tiêu đặt ra tại địa phương, những giải pháp trước mắt cần thực hiện một cách khẩn trương trong giai đoạn hiện nay đó là: phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của các đoàn thể chính trị - xã hội, đưa các mục tiêu bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương, ngành, đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa, công tác thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, hành động và trách nhiệm về thực hiện bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quần chúng nhân dân.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới và hoạt động của Ban VSTBPN các cấp, công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Làm tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách pháp luật về bình đẳng giới. Đồng thời, tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới cho đội ngũ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp; Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho nữ lãnh đạo, quản lý, nữ trong diện quy hoạch chức vụ, chức danh lãnh đạo quản lý các cấp, nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

KẾT LUẬN

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nêu rõ: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng”[13, tr.163]. Đây là đường lối lãnh đạo quan trọng của Đảng trong thực hiện quyền phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm qua, thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác phụ nữ, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Bình đã có nhiều chủ trương, chính sách về cán bộ nữ, về bình đẳng giới nhằm phát huy giá trị và vai trò của phụ nữ Quảng Bình trong giai đoạn mới. Tuy vậy, công tác cán bộ nữ ở tỉnh Quảng Bình vẫn còn gặp nhiều khó khăn mặc dù có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền của các ngành, các cấp. Nhiều quy định của pháp luật vẫn còn quy định trên văn bản chưa thật sự đi vào cuộc sống, giữa quy định và thực tế vẫn còn một khoảng cách.

Để mang lại quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, xin đề xuất một số vấn đề có tính cấp thiết không chỉ riêng cho Quảng Bình mà cho cả nước như sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về bình đẳng giới và vấn đề bình đẳng giới trong công tác cán bộ nữ. Nghiêm túc đánh giá trên cơ sở các nghiên cứu khoa học để chỉ ra đúng nguyên nhân cơ bản, đặc thù của mỗi địa phương, cấp, ngành, đơn vị dẫn đến sự không thành công mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

Hai là, thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm. Đây là một trong những nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết 11-NQ/TW đề ra, trước đó Luật Bình đẳng giới (2006) cũng đã quy định “Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức” (Điều 11, Khoản 4), song chưa được thực hiện. Quy định tuổi nghỉ hưu của phụ nữ thấp hơn nam giới 5

tuổi đã kéo độ tuổi quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm của nữ dừng ở tuổi 50, trong khi đối với nam là số tuổi lớn hơn.

Ba là, chú trọng tạo nguồn cán bộ nữ và bảo đảm chất lượng thực sự. Trong các tổ chức Đảng, mỗi cấp ủy viên phải có trách nhiệm phát hiện, đánh giá, giới thiệu nguồn cán bộ nữ để đưa vào quy hoạch, bảo đảm tỷ lệ nữ trong quy hoạch phải tương ứng với tỷ lệ nhân lực nữ và tỷ lệ đảng viên nữ trong cơ quan, đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí sử dụng cán bộ cũng phải tuân thủ cơ cấu tỷ lệ trên. Bên cạnh đó, cần có các chính sách chăm lo, ưu tiên để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cán bộ nữ trong quá trình phấn đấu.

Bốn là, nâng cao vị thế và trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ban Nữ công Công đoàn các cấp trong việc xây dựng và bảo vệ quyền lợi cho giới nữ. Các cấp ủy đảng cần xây dựng quy chế, nhất thiết phải lấy ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ hoặc Ban Nữ công Công đoàn trong quá trình thực hiện công tác cán bộ liên quan đến nữ.

Năm là, đẩy mạnh phát triển đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức để phụ nữ có được điều kiện phát triển toàn diện. Nhà nước cần có chính sách phát triển và tổ chức tốt các dịch vụ công để phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân, giúp phụ nữ giảm gánh nặng gia đình để tập trung sức lực, trí tuệ cho công tác, góp phần thiết thực vào việc thực hiện bình đẳng giới phụ nữ trên thực tế.

Với tư duy lý luận và kiến thức thực tiễn cùng với các nhóm giải pháp chung và riêng mà người viết đã trình bày trong Luận văn, tin tưởng rằng việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở tỉnh Quảng Bình nói riêng cả nước nói chung trong thời gian tới sẽ gặt hái được nhiều kết quả cao hơn, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Nghị quyết 11-NQ/TU của Bộ Chính trị khóa X và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2010 – 2020 đã đề ra về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (2008), *Bình đẳng giới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng (1993), *Nghị quyết số 04-NQ/TW về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*;
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1994), *Chỉ thị số 37-CT/TW về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*;
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2007), *Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*;
5. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình (2007), *Chương trình hành động số 14-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước*;
6. Ban Thường vụ Hội LHPN Tỉnh Quảng Bình (2012), *Chương trình hành động số 04/CTHD-BTV về việc thực hiện Nghị quyết số 11*;
7. Ban Thường vụ Hội LHPN Tỉnh Quảng Bình (2014), *Kế hoạch số 15/KH-BTV về việc Thực hiện Nghị quyết hội nghị BCH TW Hội LHPN Việt Nam lần thứ 4 về nhiệm vụ “ Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới”*;
8. Ban Thường vụ Hội LHPN Tỉnh Quảng Bình (2014), *Kế hoạch số 14/KH-BTV về việc thực hiện Nghị quyết hội nghị BCH TW Hội LHPN Việt Nam lần thứ 4 về nhiệm vụ “Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới”*;
9. Chính phủ (2009), *Nghị định số 48 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới*;
10. Đại hội đồng Liên hợp quốc (1979), *Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ*;
11. Đại hội đồng Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người*;

12. Đại học Luật Hà Nội (1997), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 163
15. Hoàng Văn Nghĩa (2014), *Chủ nghĩa xã hội và quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội;
16. Hoàng Văn Nghĩa (2016), *Bình luận Hiến pháp 2013*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội;
17. Hoàng Văn Nghĩa (2017), *70 năm thành tựu quyền con người ở Việt Nam*, Nxb lý luận chính trị, Hà Nội;
18. Hoàng Văn Nghĩa (2017), *Bảo đảm quyền con người trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Nxb lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.1
20. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.15, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 260
21. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 301
22. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, t.13, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 523 - 524
23. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, tr. 617;
24. Nghị quyết số 04 - NQ/TW ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị;
25. Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước²
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1946), *Hiến pháp 1946*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1959), *Hiến pháp 1959*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), *Hiến pháp 1980*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp năm 1992*.
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
32. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020*;
33. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình (2011), *Quyết định số 1841/QĐ-UBND ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011 – 2015*;
34. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (2011), *Quyết định 2324/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*;
35. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (2015), *Kế hoạch số 2115/KH-UBND ngày 7/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Quảng Bình*;